

## BÁO CÁO QUỐC GIA

### VỀ BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM THEO CƠ CHẾ RÀ SOÁT ĐỊNH KỲ PHỔ QUÁT (UPR) CHU KỲ IV

1. Với chính sách nhất quán về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, Việt Nam coi trọng cơ chế UPR của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (HĐNQ LHQ) và nghiêm túc triển khai các khuyến nghị đã chấp thuận tại 03 chu kỳ trước, đồng thời tiến hành rà soát một cách toàn diện để xây dựng Báo cáo UPR chu kỳ IV này.

#### **I. Phương pháp soạn thảo**

##### **A. Quy trình soạn thảo Báo cáo**

2. Báo cáo này được soạn thảo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 60/251 ngày 15/3/2006 của Đại hội đồng LHQ (ĐHĐ), Nghị quyết số 5/1 ngày 18/06/2007 và Quyết định số 17/119 ngày 19/6/2011 của HĐNQ.

3. Báo cáo tập trung rà soát việc thực hiện các khuyến nghị UPR mà Việt Nam đã chấp thuận tại lần rà soát trước<sup>1</sup> và cập nhật những phát triển mới trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. Báo cáo cũng chỉ rõ những thách thức còn tồn tại và các hướng ưu tiên của Việt Nam trong thời gian tới nhằm bảo đảm sự thụ hưởng tốt hơn các quyền và tự do cơ bản của mỗi người dân.

4. Việc soạn thảo Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Công tác liên ngành gồm 18 cơ quan do Bộ Ngoại giao làm đầu mối<sup>2</sup>.

##### **B. Quy trình tham vấn đối với Báo cáo**

5. Báo cáo này được xây dựng một cách toàn diện với sự đóng góp ý kiến của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và người dân. Các cơ quan Chính phủ, các tổ chức và cá nhân đã có ý kiến đóng góp qua hộp thư điện tử và qua một số hội thảo, tham vấn, trong đó có các Hội thảo tham vấn do Bộ Ngoại giao tổ chức vào tháng 4 và tháng 11 năm 2023 tại Hà Nội và các hội thảo liên quan đến các khuyến nghị UPR do các bộ, ngành khác tổ chức. Các ý kiến đóng góp đã được Nhóm soạn thảo tổng hợp vào Báo cáo này.

---

<sup>1</sup> Số hiệu của các khuyến nghị được nêu trong báo cáo này là số hiệu theo danh sách khuyến nghị tại văn bản A/HRC/41/7 ngày 28/3/2019 của Nhóm Làm việc về UPR của HĐNQ.

<sup>2</sup> Nhóm Công tác liên ngành gồm: Bộ Ngoại giao (cơ quan đầu mối), Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc, Ban Tôn giáo Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

6. Trước đó, tháng 3/2022, Việt Nam đã lần đầu tiên xây dựng và nộp Báo cáo giữa kỳ tự nguyện<sup>3</sup> thực hiện các khuyến nghị Việt Nam chấp thuận theo cơ chế UPR chu kỳ III<sup>4</sup>. Báo cáo này cũng được xây dựng một cách bài bản, có sự tham vấn rộng rãi và đóng góp ý kiến của đầy đủ các bên liên quan. *Do đó, Báo cáo giữa kỳ cũng như Báo cáo quốc gia tự nguyện thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) và các báo cáo quốc gia thực thi các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên từ 2019 - 2023 là nguồn tham khảo quan trọng và cần được cân nhắc khi xem xét Báo cáo này.*

## **II. Tình hình mới trong việc thúc đẩy quyền con người kể từ lần rà soát trước**

7. Cùng thời gian với chu kỳ rà soát hiện nay (2019-2023), ở Việt Nam đã có nhiều sự kiện chính trị trọng đại mang tính định hướng chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, củng cố nền tảng cho việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nổi bật là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu cử Quốc hội và Chính phủ khóa XV. Qua các sự kiện đó, Việt Nam đã đề ra tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030, trong đó xác định mục tiêu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống, quyền thụ hưởng của người dân, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở Việt Nam. Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra mục tiêu tổng quát về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hệ thống pháp luật hoàn thiện, nghiêm minh, nhất quán, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân.

8. Đồng thời từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, tác động nhiều chiều đến các nỗ lực của Chính phủ trong việc bảo đảm quyền của người dân và các nỗ lực thực hiện các khuyến nghị, đồng thời tạo áp lực lớn đến kinh tế - xã hội của Việt Nam. Bên cạnh những khó khăn do tình hình dịch bệnh, Việt Nam còn phải đối mặt với tác động ngày càng gay gắt của thiên tai, biến đổi khí hậu (BĐKH) và các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh lương thực, tác động sâu rộng đến sinh kế, quyền lợi của người dân.<sup>5</sup>

9. Trong bối cảnh đó và trên cơ sở chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, kể từ lần rà soát chu kỳ III, Việt Nam đã nỗ lực mạnh mẽ hoàn thiện cả về mặt pháp luật, thể chế, chính sách về quyền con người.

<sup>3</sup> [https://www.ohchr.org/sites/default/files/2022-04/VietNam\\_Implementation\\_Third\\_Cycle.pdf](https://www.ohchr.org/sites/default/files/2022-04/VietNam_Implementation_Third_Cycle.pdf)

<sup>4</sup> Báo cáo giữa kỳ có nhiều thông tin chi tiết về việc thực hiện đại đa số các khuyến nghị, nhất là trong bối cảnh phòng, chống và phục hồi sau dịch COVID-19. Do dung lượng hạn chế nên Báo cáo quốc gia chu kỳ IV cơ bản không nhắc lại các chi tiết, số liệu đó.

<sup>5</sup> Một số số liệu về tác động của đại dịch COVID-19, BĐKH đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ.

## ***A. Xây dựng nhà nước pháp quyền và hoàn thiện thể chế pháp luật <sup>6</sup>***

10. Từ năm 2019 đến hết tháng 11/2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua 44 luật,<sup>7</sup> trong đó có nhiều văn bản luật quan trọng liên quan đến quyền con người, quyền công dân, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên<sup>8</sup>.

11. Thực hiện một số khuyến nghị, *Việt Nam đang rà soát để sửa đổi, bổ sung một số Luật phù hợp với các cam kết quốc tế* như việc nghiên cứu sửa đổi Luật Trẻ em, cụ thể là định nghĩa trẻ em là người dưới 18 tuổi,<sup>9</sup> nghiên cứu xây dựng các dự thảo Luật Phòng, chống mại dâm, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật chuyển đổi giới tính... Chính phủ cũng đã tiếp tục đề xuất Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh trong năm 2023, 2024 các dự án, dự thảo để tiếp tục hoàn thiện thể chế liên quan đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân như: Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Dân số (sửa đổi), Luật Việc làm (sửa đổi), Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi)...

12. Trong quá trình xây dựng các văn bản pháp luật, Nhà nước luôn tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua việc đóng góp ý kiến, kiến nghị, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước. Đồng thời Nhà nước cũng bảo đảm công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân. Năm 2020, Quốc hội đã thông qua các sửa đổi, bổ sung đối với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, với nhiều quy định mới mang tính đột phá để nâng cao yêu cầu công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, đáng chú ý nhất là Luật đã bổ sung quy định về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam<sup>10</sup>. Đến nay việc lấy ý kiến của người dân đối với các dự án, dự thảo văn bản theo quy định của Luật này đã tạo nên những chuyển biến tích cực,

<sup>6</sup> Khuyến nghị số 53, 59, 60, 62, 81, 89, 154, 155, 156, 159, 160, 162, 72: đã thực hiện.

<sup>7</sup> Ví dụ như Bộ luật lao động năm 2019, Luật Giáo dục năm 2019, Luật Điện ảnh 2019, Luật Thanh niên năm 2020, Luật Cư trú năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020, Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự 2021, Luật phòng, chống ma túy (sửa đổi) 2021, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2022, Luật Căn cước 2023, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2023, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023... Ngoài ra, Quốc hội cũng đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan trực tiếp đến quyền con người như Nghị quyết 94/2019/QH14 về khoan hồng tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 33/2021/QH15 về tổ chức phiên tòa trực tuyến, Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội...

<sup>8</sup> Khuyến nghị số 36: đã thực hiện một phần.

<sup>9</sup> Khuyến nghị số 272, 225: đã thực hiện một phần. Các cơ quan chuyên môn đã rà soát và đang tiến hành tổng kết và xây dựng các đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật trẻ em và các quy định có liên quan.

<sup>10</sup> Luật năm 2015 chỉ mới quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chưa đề cập đến việc phản biện xã hội.

góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.<sup>11</sup>

13. Việt Nam đã thành lập Ban nghiên cứu phục vụ  *nghiên cứu khả năng thành lập Cơ quan Nhân quyền quốc gia*, đã tiến hành một số cuộc họp thảo luận về các nội dung liên quan việc thành lập cơ quan nhân quyền quốc gia, trong đó dự kiến các phương án về cơ cấu, tổ chức, mô hình. Trong thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục nghiên cứu, tham khảo mô hình cơ quan nhân quyền của các quốc gia trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.<sup>12</sup>

### ***B. Những chính sách mới liên quan đến bảo đảm quyền con người***

14. Kể từ lần rà soát trước, nhiều chính sách mới quan trọng đã được ban hành với mục tiêu bảo đảm cho mọi người dân Việt Nam được thụ hưởng đầy đủ quyền con người, thực hiện các SDG, bảo đảm quyền phát triển, quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, quyền của người lao động.

15. *Về phát triển kinh tế- xã hội*<sup>13</sup>, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025<sup>14</sup> cập nhật nhiều mục tiêu cho giai đoạn 2021-2030. Việt Nam xác định tiếp tục đầu tư mạnh vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nghèo, vùng sâu, vùng xa; ưu tiên phục vụ con người, phát huy cao nhất yếu tố con người trong chiến lược phát triển. Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng ban hành những Chiến lược, chính sách mới tập trung vào an sinh xã hội và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương, ví dụ Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 11/2021<sup>15</sup>.

16. *Về phát triển bền vững và thực hiện các SDG*, Việt Nam là quốc gia cam kết mạnh mẽ trong thực hiện SDG, đặc biệt là Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Giai đoạn từ 2016 đến nay, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải cách việc huy động, sử dụng và quản lý tài chính cho phát triển, nhằm thực hiện thành công SDG. Tỷ trọng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP trong giai đoạn 2016 – 2021 luôn duy trì ở mức trên 34%, và đạt cao nhất vào năm 2020 (34,8%).<sup>16</sup>

<sup>11</sup> Khuyến nghị số 61: đã thực hiện.

<sup>12</sup> Khuyến nghị 66, 75, 79, 85: đã thực hiện một phần; Khuyến nghị 88: sẽ được thực hiện vào thời điểm thích hợp.

<sup>13</sup> Các khuyến nghị số 69, 119, 128, 102, 115, 241, 133: đã thực hiện.

<sup>14</sup> Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội.

<sup>15</sup> Quyết định số 1942/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>16</sup> Các khuyến nghị số 130, 112, 126, 113: đã thực hiện.

17. Việc giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện các SDG được thực hiện thường xuyên<sup>17</sup>. Cơ sở dữ liệu về các SDG liên tục được cập nhật, mở rộng. Việt Nam đã ban hành Hệ thống gồm 158 chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam<sup>18</sup> và Lộ trình thực hiện các SDG đến 2030.<sup>19</sup> Thể chế về phát triển bền vững ngày một hoàn thiện, chặt chẽ. Việt Nam đã hình thành và phát triển mạng lưới phối hợp liên ngành và các cơ quan thúc đẩy việc thực hiện các SDG, bao gồm cả các cơ quan Chính phủ, các đối tác phát triển quốc tế, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.<sup>20</sup>

18. Thực hiện SDG 9, trong thời gian qua, hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng; chi cho kết cấu hạ tầng được Chính phủ ưu tiên cao, thường chiếm khoảng 20% tổng chi đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước.<sup>21</sup> Nhiều công trình quan trọng, thiết yếu được đưa vào sử dụng, bảo đảm sự kết nối tốt hơn trên phạm vi cả nước và giao thương quốc tế, tạo diện mạo mới cho đất nước và góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao đời sống người dân.

19. Về an ninh lương thực, phát triển nông thôn và nông nghiệp bền vững,<sup>22</sup> năm 2021, Chính phủ đã có Nghị quyết 34/NQ-CP về bảo đảm an ninh lương thực Quốc gia đến năm 2030. Việt Nam cũng triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025<sup>23</sup> nhằm khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng cơ bản của nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được hoàn thiện, nhất là thủy lợi và phòng chống thiên tai. Trọng tâm thời gian tới của ngành nông nghiệp là tập trung chuyển đổi mô hình nông nghiệp sản lượng cao sang nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững.<sup>24</sup>

20. Về tăng trưởng xanh, ứng phó BĐKH<sup>25</sup>: Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 quy định “Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành”. Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050<sup>26</sup>

<sup>17</sup> Thông qua việc xây dựng Báo cáo VNR, Báo cáo SDG quốc gia 5 năm, Báo cáo SDG hàng năm, Báo cáo SDG của các bộ, ngành, địa phương.

<sup>18</sup> Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

<sup>19</sup> Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>20</sup> Bao gồm: Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững và Nâng cao năng lực cạnh tranh, Tổ công tác liên ngành về các mục tiêu phát triển bền vững, Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chủ trì; Nhóm công tác về các Mục tiêu Phát triển Bền vững của LHQ tại Việt Nam và Mạng lưới đối tác Không ai bị bỏ lại phía sau Việt Nam (LNOB Vietnam).

<sup>21</sup> Khuyến nghị 122: đã thực hiện.

<sup>22</sup> Khuyến nghị 120, 132: đã thực hiện.

<sup>23</sup> Quyết định 225/QĐ-TTg ngày 15/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>24</sup> Việt Nam bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và hỗ trợ cho các quốc gia khác. Sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 48,2 triệu tấn, bình quân lương thực đầu người đạt khoảng 525 kg/năm; đưa Việt Nam vào nhóm 6 nước hàng đầu về chỉ số này.

<sup>25</sup> Khuyến nghị 136: đã thực hiện.

<sup>26</sup> Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

và Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh<sup>27</sup> được ban hành nhằm giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do BĐKH thông qua tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng; thúc đẩy lồng ghép thích ứng BĐKH vào hệ thống chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển đầu tiên trên thế giới đưa nghĩa vụ và cam kết thực hiện giảm phát thải nhà kính vào hệ thống pháp luật.<sup>28</sup> Các cơ quan của Chính phủ, giới học giả và các tổ chức phi chính phủ đã phối hợp xây dựng tài liệu, phổ biến kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao hiểu biết, trách nhiệm của cộng đồng về BĐKH; tổ chức các Hội nghị phổ biến kiến thức và kỹ năng ứng phó với BĐKH cho các địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội, các đoàn thể nhân dân, thanh niên. Các cơ quan báo chí của Việt Nam có nhiều tin, bài, phóng sự về BĐKH và chuyển đổi năng lượng bền vững<sup>29</sup>.

21. Tháng 12/2022, Việt Nam đã cùng các nước G7 và một số đối tác quốc tế thông qua Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), với mục tiêu huy động 15,5 tỉ USD trong 3 đến 5 năm để hỗ trợ tài chính và công nghệ chuyển đổi năng lượng cho Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án triển khai Tuyên bố JETP<sup>30</sup>, nhấn mạnh nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng, có sự đồng thuận rộng rãi giữa các bên liên quan, bao gồm các doanh nghiệp, người lao động và các nhóm dân cư chịu ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi năng lượng. Đề án nêu rõ nhiệm vụ xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp bảo đảm công bằng như hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương về cơ hội tiếp cận điện năng với giá thành hợp lý, thúc đẩy tạo việc làm xanh, bền vững, thực hiện các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội.

22. Về cải cách hành chính, chống tham nhũng, tiêu cực,<sup>31</sup> Việt Nam tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực với phương châm hành động “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả” do Thủ tướng Chính phủ đề ra và quan điểm nhất quán không có vùng cấm, ngoại lệ trong xử lý tội phạm tham nhũng; gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử, tăng cường trách nhiệm và sự tham gia phản biện, đóng góp ý kiến của người dân, tổ chức trong quá trình xây dựng và tổ chức thực thi chính sách. Luật Phòng, chống tham nhũng có hiệu lực từ 01/7/2019 đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng, chống tham nhũng, quy định cụ thể các hành vi tham nhũng và hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

<sup>27</sup> Quyết định số 822/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>28</sup> Giảm phát thải nhà kính là yêu cầu bắt buộc thực hiện đối với mọi tổ chức, cá nhân sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam và được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) năm 2020.

<sup>29</sup> Khuyến nghị 137: đã thực hiện.

<sup>30</sup> Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 31/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>31</sup> Khuyến nghị 116, 117: đã thực hiện.

23. Chính phủ đã ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 nhằm tiếp tục các nỗ lực xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu quả; trong đó chú trọng cải cách thể chế, xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Bộ Nội vụ ban hành một số công cụ mới như Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

24. Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được ban hành<sup>32</sup>, với các nhiệm vụ cụ thể, các dịch vụ công thiết yếu được giao cho các bộ, ngành, địa phương triển khai. Cổng Dịch vụ công Quốc gia kết nối, cung cấp thông tin về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ thực hiện, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên toàn quốc.<sup>33</sup>

### ***C. Triển khai các khuyến nghị UPR chu kỳ III***

25. Tại chu kỳ III của Cơ chế UPR năm 2019, trong tổng số 291 khuyến nghị nhận được, Việt Nam đã chấp thuận 241 khuyến nghị, bao gồm 220 khuyến nghị được chấp thuận toàn bộ và 21 khuyến nghị được chấp thuận một phần.

26. Tháng 12/2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện các khuyến nghị Việt Nam chấp thuận theo cơ chế UPR chu kỳ III của HĐNQ LHQ<sup>34</sup> và phân công cụ thể trách nhiệm triển khai của 18 bộ, ngành liên quan.<sup>35</sup> Các bên liên quan, trong đó có các đối tác phát triển quốc tế, các tổ chức LHQ tại Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ Việt Nam và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam đã có các đóng góp rất quan trọng trong việc thực hiện và giám sát thực hiện các khuyến nghị thông qua đối thoại và hợp tác. Trong đó nổi bật là đóng góp của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam cùng các tổ chức thành viên và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam.

27. Tính đến tháng 12/2023, Việt Nam đã hoàn thành thực hiện có kết quả đối với 209 khuyến nghị (chiếm 86,7%), thực hiện có kết quả một phần và đang tiếp tục thực hiện 30 khuyến nghị (chiếm 12,4%) và đang xem xét thực hiện vào thời điểm phù hợp đối với 02 khuyến nghị (chiếm 0,9%).<sup>36</sup> Không có

<sup>32</sup> Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 6/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>33</sup> Các khuyến nghị 90, 83, 104: đã thực hiện.

<sup>34</sup> Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>35</sup> Khuyến nghị số 3, 22, 56, 76, 82, 40: đã thực hiện.

<sup>36</sup> Các khuyến nghị có nhiều nội dung độc lập với nhau dù có biện pháp thực hiện đã có kết quả với một số nội dung nhưng có nội dung chưa được tiến hành, nhất là liên quan đến sửa đổi văn bản pháp luật, vẫn chỉ được tự đánh giá là thực hiện một phần. Các khuyến nghị có nội dung cân nhắc, xem xét, nghiên cứu các biện pháp,

khuyến nghị nào được chấp nhận mà chưa được xem xét thực hiện (xem Phụ lục). Đối với một số khuyến nghị liên quan đến xây dựng và sửa đổi luật pháp Việt Nam và gia nhập các điều ước quốc tế,<sup>37</sup> hiện các cơ quan hữu quan đang nghiên cứu kỹ lưỡng, tham vấn lấy ý kiến của các cơ quan của Chính phủ, Quốc hội, các bên liên quan và người dân, phù hợp với Chương trình xây dựng pháp luật của Việt Nam.

#### **D. Tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức về quyền con người**<sup>38</sup>

28. Việt Nam tích cực đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, xác định mục tiêu đến năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục, đào tạo các cấp tổ chức giáo dục quyền con người cho người học. Trong giai đoạn năm 2021-2022, đã có gần 500 lượt nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tập huấn công tác về ý nghĩa, tầm quan trọng của quyền con người nói chung và quyền con người trong giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Việt Nam cũng triển khai các hoạt động nghiên cứu về quyền con người; xây dựng các chương trình, kế hoạch nhằm tuyên truyền và phổ biến pháp luật về quyền con người tại các trung tâm nghiên cứu và cơ sở đào tạo chuyên sâu. Tháng 12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống quốc dân<sup>39</sup>.

29. Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang tiếp tục đẩy mạnh đào tạo kiến thức về quyền con người cho các công chức, viên chức Nhà nước và địa phương nhằm tăng cường nhận thức, năng lực và hiệu quả ở cơ sở thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Từ năm 2020 đến nay đã có 04 khóa tập huấn về quyền con người cho lực lượng cảnh sát và giảng viên các trường thuộc Bộ Công an quản lý, 02 lớp tập huấn dành cho tổng biên tập, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí; Bộ Quốc phòng hướng dẫn Học viện Biên phòng và Trường Sĩ quan Chính trị biên soạn 03 chương trình đào tạo thí điểm giảng dạy nội dung về quyền con người.

30. Đồng thời, Việt Nam đã chú trọng công tác phổ biến, thông tin về quyền con người với nhiều hình thức đa dạng phong phú nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, như triển khai Đề án truyền thông về quyền con người<sup>40</sup>; thúc đẩy trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin từ các cơ quan nhà nước để

---

trong đó có các biện pháp sửa đổi văn bản pháp luật, gia nhập điều ước quốc tế sẽ được tự đánh giá là đã thực hiện nếu đã có biện pháp nghiên cứu, xem xét khả năng triển khai. Trong khi đó, các khuyến nghị *trực tiếp* đề xuất các biện pháp đó, dù đã có biện pháp nghiên cứu, xem xét khả năng triển khai sẽ được tự đánh giá là đang xem xét thực hiện vào thời điểm phù hợp.

<sup>37</sup> Ví dụ các khuyến nghị 272 (về thay đổi định nghĩa trẻ em); 217 (về sửa đổi Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự); 174 (về sửa đổi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo); 9, 16, 26, 19, 33, 44, 45, 47, 48, 49, 51, 52 (về cân nhắc gia nhập các điều ước quốc tế như CPED, CRMW, Nghị định thư Công ước CEDAW, Công ước ILO số 87)...

<sup>38</sup> Khuyến nghị 28, 54, 58, 63, 65, 67, 70, 74, 77, 78, 84, 86, 87, 135, 234: đã thực hiện.

<sup>39</sup> Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>40</sup> Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 14/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.



đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của người dân; tổ chức các Hội nghị thường kỳ cung cấp thông tin cho báo chí về công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền con người... Việt Nam cũng tăng cường đầu tư hỗ trợ trang bị cơ sở hạ tầng, đào tạo cán bộ nhằm sản xuất các sản phẩm truyền thông để nâng cao nhận thức về phòng chống tội phạm mua bán người, thúc đẩy bình đẳng giới, tiếp cận y tế, giáo dục... của người dân, nhất là ở các vùng xa, miền núi và trong các cộng đồng dân tộc thiểu số.

31. Thực hiện nghĩa vụ theo các Công ước ILO và các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Việt Nam cũng đã tích cực tiến hành các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền của người lao động; trong đó có các tập huấn, hội nghị, hội thảo theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến cho người lao động, cán bộ lao động ở các cấp và các doanh nghiệp.

#### ***E. Thực hiện các cam kết quốc tế và hợp tác quốc tế về quyền con người***

32. Việt Nam hiện đã tham gia 7/9 điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Việc triển khai các điều ước được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ bằng hành lang pháp lý và hệ thống chính sách đồng bộ và đã đạt được những kết quả toàn diện.

33. Kể từ lần rà soát trước<sup>41</sup>, Việt Nam đã gia nhập thêm Công ước số 98 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về việc áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể (năm 2019) và Công ước số 105 của ILO về xóa bỏ lao động cưỡng bức (năm 2020), Hiệp ước Marrakesh về tạo điều kiện cho người khiếm thị, người khuyết tật về thị giác và người khuyết tật khác không có khả năng đọc tiếp cận với các tác phẩm đã công bố (năm 2023) và tham gia Thỏa thuận Toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự (GCM – năm 2020). Tính đến nay, Việt Nam đã tham gia 25 Công ước quốc tế về quyền lao động của ILO. Năm 2019, Việt Nam cũng đã thông qua Bộ luật lao động (sửa đổi) với nhiều quy định mới bảo đảm tốt hơn quyền của người lao động, tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, bao gồm các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên cũng như các Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA).<sup>42</sup> Việc nghiên cứu gia nhập Công ước số 87 của ILO về Tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức tiếp tục được tiến hành theo lộ trình đề ra.<sup>43</sup>

34. Việt Nam đang nghiên cứu, xem xét khả năng gia nhập một số điều ước quốc tế về quyền con người như Công ước về Bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di cư và các thành viên gia đình họ (CRMW), Công ước về Bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị mất tích cưỡng bức (CPED), Nghị định thư

<sup>41</sup> Khuyến nghị 9: đã thực hiện một phần. Khuyến nghị 30, 35: đã thực hiện.

<sup>42</sup> Các khuyến nghị 223, 233, 235: đã thực hiện

<sup>43</sup> Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện CPTPP.

tùy chọn của Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước số 97 của ILO về Di cư vì việc làm và Công ước số 143 về Lao động di cư trong giai đoạn 2026-2030, Công ước 1954 về địa vị người không quốc tịch, Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường không, bổ sung Công ước của LHQ về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia...<sup>44</sup>

35. Từ 2019 đến nay, Việt Nam đã nộp và bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia về việc thực thi Công ước CERD lần thứ 5 (tháng 11/2023)<sup>45</sup>; đã nộp Báo cáo giữa kỳ về việc thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban CAT (tháng 10/2020) và Báo cáo quốc gia thực thi Công ước ICCPR lần thứ 4 (tháng 3/2023)<sup>46</sup>; bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước CRC (9/2022); đã nộp và chuẩn bị tiến hành đối thoại về các báo cáo thực hiện Công ước CEDAW lần 9 và Công ước CRPD lần 2. Hiện nay, Việt Nam đang tích cực hoàn thiện báo cáo thực thi Công ước CAT lần 2.

36. Việt Nam luôn coi trọng đối thoại, hợp tác với các nước, đối tác trong bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Tại các diễn đàn đa phương như ĐHQ, HĐNQ LHQ, ASEAN,<sup>47</sup> Việt Nam đã tích cực tham gia đóng góp vào quan tâm chung của cộng đồng quốc tế, đề xuất các sáng kiến, hợp tác trao đổi với các nước, các cơ chế liên quan, được các nước ghi nhận, đánh giá cao.

37. Hiện Việt Nam đang đảm nhiệm vị trí thành viên HĐNQ nhiệm kỳ 2023 – 2025 với 8 ưu tiên lớn trong các lĩnh vực: (i) Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐNQ gắn với đề cao luật pháp quốc tế; (ii) Quyền con người trong bối cảnh BĐKH; (iii) Chống bạo lực và phân biệt đối xử, tăng cường bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương; (iv) Thúc đẩy bình đẳng giới; (v) Quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số; (vi) Quyền sức khỏe; (vii) Quyền việc làm; (viii) Quyền tiếp cận giáo dục chất lượng và giáo dục quyền con người.

38. Việt Nam cùng Nhóm nòng cốt đã giới thiệu dự thảo nghị quyết về ảnh hưởng của BĐKH và quyền con người để HĐNQ xem xét thông qua tại các khóa họp thường kỳ tháng 6 hàng năm.<sup>48</sup> Tại Khóa họp lần thứ 52 của HĐNQ (4/2023), Việt Nam đã đề xuất và cùng Nhóm nòng cốt<sup>49</sup> thúc đẩy HĐNQ thông qua bằng đồng thuận Nghị quyết kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR) và 30 năm Tuyên bố và Chương trình hành động Vienna (VDPA), với sự đồng bảo trợ của 121 quốc gia.

<sup>44</sup> Khuyến nghị 16, 19, 26, 33, 288: đã thực hiện. Khuyến nghị 45, 44, 47, 48, 49, 51, 52: đã thực hiện một phần.

<sup>45</sup> Khuyến nghị 25: đã thực hiện.

<sup>46</sup> Khuyến nghị 6,192: đã thực hiện. Thông tin chi tiết các nỗ lực để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản được đảm bảo theo ICCPR có thể tham khảo trong Báo cáo thực hiện ICCPR lần thứ 4.

<sup>47</sup> Một số thông tin khác liên quan đến đối thoại và hợp tác của Việt Nam tại các diễn đàn, cơ chế nhân quyền của LHQ và ASEAN, xin xem thêm Báo cáo giữa kỳ tự nguyện, trong đó có các thông tin liên quan đến các khuyến nghị 7, 21, 24, 41, 31 (đã thực hiện).

<sup>48</sup> Khuyến nghị 138: đã thực hiện.

<sup>49</sup> Gồm 12 nước là Áo, Bangladesh, Bi, Bolivia, Brazil, Chile, Costa Rica, Fiji, Ấn Độ, Panama, Rumani, Nam Phi và Tây Ban Nha.

39. Việt Nam tiếp tục tăng cường trao đổi, hợp tác với LHQ và các Thủ tục đặc biệt trong các khóa họp thường kỳ của HĐNQ cũng như thường xuyên có trả lời đối với các đề nghị cung cấp thông tin của các Thủ tục đặc biệt. Báo cáo viên đặc biệt về quyền phát triển đã có chuyến thăm Việt Nam tháng 11/2023 theo lời mời của Việt Nam.<sup>50</sup>

40. Việt Nam đã tổ chức Diễn đàn Pháp luật ASEAN năm 2020, và tiếp tục tổ chức các “Diễn đàn đối tác pháp luật” với các đối tác phát triển quốc tế với chủ đề của các phiên trong những năm gần đây về “Chống phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới”, “Hoàn thiện và thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em và tư pháp cho trẻ em trong tiến trình cải cách pháp luật và tư pháp ở Việt Nam; “Nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải tại Việt Nam”...<sup>51</sup>

41. Việt Nam đã ban hành các biện pháp triển khai Luật Đặc xá năm 2018, tăng cường bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng, thực hiện quyền và lợi ích chính đáng đối với người chấp hành xong án phạt tù<sup>52</sup>. Năm 2023, Việt Nam đã đăng cai tổ chức Hội nghị cán bộ quản lý trại giam khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 43, trong đó có hoạt động chia sẻ kinh nghiệm về Luật Đặc xá, giáo dục cải tạo người phạm tội trở thành người có ích và giúp họ tái hòa nhập cộng đồng.<sup>53</sup>

42. Ở cấp độ song phương, Việt Nam tiếp tục tiến hành các cuộc trao đổi, đối thoại, tham vấn về nhân quyền, lao động với các đối tác nhằm chia sẻ quan điểm, lập trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực cùng quan tâm.<sup>54</sup> Các dự án, chương trình hợp tác nâng cao năng lực kỹ thuật trong lĩnh vực quyền con người tiếp tục được Việt Nam và một số nước, đối tác phát triển trao đổi, xây dựng và triển khai; trong quá trình đó, sự tham gia của các cơ quan, địa phương và các bên liên quan luôn được bảo đảm.

### **III. Một số thành tựu quan trọng đạt được trong công tác bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trên thực tế<sup>55</sup>**

#### **A. Các quyền dân sự, chính trị**

##### ***Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tiếp cận thông tin***

43. Đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được thông tin cho mọi người dân là chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam. Các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do thông tin ở Việt Nam đã được quy

<sup>50</sup> Khuyến nghị 8, 13: đã thực hiện. Khuyến nghị 11, 12, 17, 27, 34, 37: đã thực hiện một phần.

<sup>51</sup> Khuyến nghị 20: đã thực hiện.

<sup>52</sup> Chính phủ đã ban hành Nghị định 49/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng.

<sup>53</sup> Khuyến nghị 165: đã thực hiện.

<sup>54</sup> Khuyến nghị 1, 50: đã thực hiện.

<sup>55</sup> Xem thêm Báo cáo giữa kỳ tự nguyện.

định rõ trong Hiến pháp và pháp luật; được đảm bảo ngày càng tốt hơn nhờ sự phát triển nhanh chóng, đa dạng về loại hình và phong phú về nội dung của các phương tiện thông tin đại chúng.

44. Báo chí phát triển không ngừng, trở thành diễn đàn ngôn luận của Nhân dân, của các tổ chức xã hội, là công cụ giám sát thực thi chính sách, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Tại thời điểm tháng 9/2023, Việt Nam có 06 cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực, 798 cơ quan báo chí (bao gồm 127 báo và 671 tạp chí). Hiện Việt Nam có 72 cơ quan hoạt động phát thanh, truyền hình<sup>56</sup>; 78 kênh phát thanh trong nước, 194 kênh truyền hình trong nước, 45 kênh truyền hình nước ngoài; có 9.959 đài truyền thanh cấp xã trên 10.500 xã, phường, thị trấn (trong đó có 1.799 đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên hạ tầng internet). Còn 787 xã, phường, thị trấn chưa có đài truyền thanh, chủ yếu là các xã khu vực miền núi, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Tính đến hết Quý I/2023, thuê bao truyền hình trả tiền ước đạt 17,5 triệu thuê bao (tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2022).<sup>57</sup>

45. Các phương tiện truyền thông ở Việt Nam được hoạt động tự do; các cơ quan báo chí, xuất bản ở Việt Nam không bị kiểm duyệt trước khi in, truyền dẫn, phát sóng.<sup>58</sup> Việt Nam đang thực hiện tổng kết việc thi hành Luật Báo chí 2016, lấy ý kiến của các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội đối với đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí và có kế hoạch đưa vào chương trình xây dựng luật của Quốc hội giai đoạn 2023-2025.

46. Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong tăng cường tiếp cận thông tin của người dân, thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng thông tin giữa thành thị và nông thôn, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc miền núi, biên giới, hải đảo. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ phát triển hạ tầng di động, internet và truyền thông xã hội<sup>59</sup>, tạo điều kiện để người dân tìm kiếm, tiếp cận, biểu đạt, trao đổi thông tin một cách tự do, dễ dàng.<sup>60</sup> Sau 26 năm kết nối internet, Việt Nam đã có công nghệ viễn thông hiện đại, mức phủ cập internet cao. Tính đến tháng 9/2023, Việt Nam có hơn 78 triệu người sử dụng internet (xếp thứ 13 thế giới về số lượng người dùng, tăng 21% so với năm 2019), số thuê bao băng rộng di động là 86,6 triệu (tăng 38% so với năm 2019). Tốc độ truy cập internet băng rộng di động đạt 48,29 Mbps (tăng 26,28% so với năm 2022), xếp thứ 45 và cao hơn trung bình thế giới là 42,35 Mbps). Mạng lưới viễn thông phủ sóng 99,73% số thôn trên toàn quốc; hệ thống cáp quang đã triển khai tới 100% xã,

<sup>56</sup> Gồm 67 đài phát thanh truyền hình Trung ương và địa phương, 05 đơn vị hoạt động truyền hình không có hạ tầng phát sóng riêng.

<sup>57</sup> Khuyến nghị 213: đã thực hiện.

<sup>58</sup> Khuyến nghị 194: đã thực hiện.

<sup>59</sup> Thông qua các Chiến lược, chính sách như Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững (hợp phần giảm nghèo về thông tin), Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển vùng kinh tế - xã hội khu vực dân tộc, miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình viễn thông công ích để trang bị hạ tầng truyền thông.

<sup>60</sup> Khuyến nghị số 118, 42, 189, 195, 184, 176, 181, 168: đã thực hiện.

phường, thị trấn, 91% thôn bản, 100% trường học và 78,3% số hộ gia đình. Việc công khai thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã được các cơ quan nhà nước tăng cường thực hiện thường xuyên, kịp thời, đáp ứng nhu cầu của người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

47. Việt Nam đã thúc đẩy nỗ lực xây dựng hành lang pháp lý để đảm bảo môi trường thông tin an toàn, lành mạnh, phục vụ hiệu quả cho thực hành quyền tự do báo chí, tự do biểu đạt trong xã hội số, chuyển đổi số, xử lý nghiêm minh các hành vi cản trở việc thực hiện các quyền này<sup>61</sup>. Cụ thể, Chính phủ đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, gồm các Nghị định sửa đổi Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và trong hoạt động báo chí, xuất bản<sup>62</sup>; đang hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng<sup>63</sup>; căn cứ Luật An ninh mạng, ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân...

### ***Quyền được bình đẳng trước pháp luật, xét xử công bằng, đúng trình tự theo pháp luật; tính độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án***

48. Việt Nam nỗ lực bảo đảm tính độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án,<sup>64</sup> quyền của người dân được xét xử công bằng và theo đúng trình tự, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.<sup>65</sup> Trong giai đoạn từ 2019 đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng 10 Nghị quyết và 04 Thông tư hướng dẫn và quy định chi tiết về việc thực hiện nhiều văn bản pháp luật trong các vấn đề như quy định về tội rửa tiền; quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ; xét xử các tội xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi, tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tội phạm tham nhũng; quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án...<sup>66</sup> Bên cạnh đó, Viện kiểm sát nhân dân đã phát huy vai trò là cơ quan duy nhất được giao quyền truy tố bị can trước tòa án để xét xử và thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; là cơ quan duy nhất tham gia đầy đủ các giai đoạn tố tụng, ngăn ngừa các vi phạm quyền con người trong các hoạt động tư pháp.<sup>67</sup>

49. Nhằm bảo đảm tính độc lập, thực thi quyền xét xử theo pháp luật và bảo đảm quyền uy tư pháp, năm 2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành

<sup>61</sup> Các khuyến nghị 172, 202: đã thực hiện.

<sup>62</sup> Nghị định 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản trong đó tăng mức phạt đối với nhiều hành vi liên quan đến hoạt động báo chí.

<sup>63</sup> Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng đang được lấy ý kiến công khai, rộng rãi.

<sup>64</sup> Khuyến nghị số 64, 158: đã thực hiện.

<sup>65</sup> Khuyến nghị 163: đã thực hiện.

<sup>66</sup> Xin xem thêm Báo cáo giữa kỳ tự nguyện về một số thông tin liên quan đến nỗ lực, biện pháp của Tòa án nhân dân, Quốc hội... liên quan đến tăng cường, bảo đảm xét xử độc lập, công bằng.

<sup>67</sup> Khuyến nghị số 151: đã thực hiện.

Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.<sup>68</sup> Ngoài ra, Đề án hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi can thiệp sai trái trong hoạt động tư pháp cũng đang được nghiên cứu, hoàn thiện. Quốc hội cũng đang thảo luận sửa đổi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, trong đó có nội dung tăng tính độc lập trong hoạt động xét xử của Tòa án.

50. Từ năm 2018, Việt Nam không còn quy định bắt buộc các Tòa án phải tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động để tuân thủ và bảo đảm tốt hơn quyền con người, nguyên tắc suy đoán vô tội, quyền được đại diện pháp lý và quyền được xét xử công bằng. Các bản án cũng được công khai trên mạng internet, tạo cơ hội bình đẳng cho người dân tiếp cận công lý và góp phần nâng cao nhận thức của người dân với pháp luật<sup>69</sup>. Thực hiện Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội, hình thức phiên tòa trực tuyến đã được tổ chức nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của bị can, bị cáo, đương sự, tổ chức cá nhân tham gia phiên tòa một cách kịp thời, không bị ảnh hưởng bởi các lý do thiên tai, dịch bệnh, điều kiện khó khăn hoặc các lý do khác, qua đó tăng cường quyền bình đẳng trước pháp luật<sup>70</sup>. Tính đến hết năm 2022, Việt Nam có 40 Tòa án gia đình và người chưa thành niên tại 38 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, và 02 Tòa án nhân dân cấp cao.

51. Sau khi Luật Thi hành án hình sự năm 2019 được thông qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng toàn diện, phù hợp với Luật, đặc biệt là Nghị định 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020<sup>71</sup> và Nghị định 113/2021/NĐ-CP ngày 14/12/2021<sup>72</sup> với những điều chỉnh theo hướng tăng quyền lợi của người bị tạm giữ, tạm giam và người chấp hành án hình sự. Nhiều biện pháp đang được Chính phủ triển khai để tăng cường việc tiếp cận pháp lý đối với người dân, bảo đảm thủ tục tố tụng hình sự, quyền tiếp cận luật sư.<sup>73</sup>

### ***Quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng***<sup>74</sup>

52. Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo với khoảng 95% dân số Việt Nam có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo,<sup>75</sup> trong đó có trên 26,5 triệu tín đồ các tôn giáo,

<sup>68</sup> Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH ngày 18/8/2022.

<sup>69</sup> Khuyến nghị 150: đã thực hiện một phần.

<sup>70</sup> Đến hết năm 2023, có hơn 14.000 vụ án được xét xử trực tuyến.

<sup>71</sup> Nghị định 133/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự.

<sup>72</sup> Nghị định 113/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

<sup>73</sup> Khuyến nghị 152, 164: đã thực hiện. Về việc hạn chế áp dụng án tử hình liên quan đến các khuyến nghị 146, 291 (đã thực hiện), đề nghị tham khảo chi tiết Báo cáo giữa kỳ tự nguyện và Báo cáo quốc gia thực hiện Công ước ICCPR.

<sup>74</sup> Các khuyến nghị 169, 210, 178, 170, 173, 182, 193, 199, 205, 206: đã thực hiện. Khuyến nghị 174: Đang xem xét thực hiện vào thời điểm phù hợp: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đang được thực hiện hiệu quả tương thích với các chuẩn mực quốc tế; sẽ được xem xét cập nhật vào thời điểm phù hợp với chương trình xây dựng pháp luật và thực tiễn ở Việt Nam.

<sup>75</sup> Các tôn giáo lớn ở Việt Nam gồm Phật giáo có số lượng đông nhất với khoảng trên 14 triệu tín đồ; Công giáo khoảng 7 triệu tín đồ; Tin Lành trên 01 triệu tín đồ; Cao đài trên 1,1 triệu tín đồ; Phật giáo Hòa Hảo gần 1,4 triệu tín đồ; Hồi giáo trên 80.000 tín đồ. Tín ngưỡng ở Việt Nam có nhiều loại hình khác nhau, gồm tín ngưỡng

trên 54.000 chức sắc, trên 135.000 chức việc và gần 30.000 cơ sở thờ tự, một số loại hình tín ngưỡng và di tích được UNESCO ghi danh là di sản thế giới.

53. Việt Nam luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm bình đẳng giữa các tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và sự đóng góp của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước. Hiến pháp 2013 khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người. Luật tín ngưỡng, tôn giáo 2016 đã tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc bảo đảm tốt hơn quyền này, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và thực tiễn ở Việt Nam, và được triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước. Những điểm mới trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo.<sup>76</sup>

54. Tại Việt Nam hiện có 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo được công nhận tổ chức tôn giáo và cấp đăng ký hoạt động, hơn 3.700 điểm nhóm được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung độc lập, trong đó có 67 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp ở Việt Nam<sup>77</sup>, cùng với đó là 62 cơ sở đào tạo tôn giáo thuộc Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo.

55. Trong giai đoạn 2018-2022, đã có 2.527 ấn phẩm tôn giáo được xuất bản với hơn 8,5 triệu bản in, trong đó có nhiều ấn phẩm được dịch ra tiếng Anh, Pháp và 13 ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số. Hàng năm, hơn 10.000 người tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng thần học, giáo lý do các tổ chức tôn giáo tổ chức. Phạm nhân tại các trại giam cũng được bảo đảm quyền sử dụng, nghiên cứu kinh sách, các loại sách báo, ấn phẩm về tín ngưỡng, tôn giáo tại thư viện của cơ sở giam giữ.<sup>78</sup>

56. Căn cứ nhu cầu của các tổ chức tôn giáo, quỹ đất và quy định của pháp luật, Nhà nước tạo điều kiện cấp đất cho các cơ sở tôn giáo. Trên phạm vi toàn quốc, đến nay đã có 70% số cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng trong năm 2022, có 203 cơ sở thờ tự tôn giáo được cấp phép xây dựng mới, 283 cơ sở được cấp phép sửa chữa, cải tạo.<sup>79</sup>

---

thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần thánh, tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc, tín ngưỡng gắn với ngành nghề...

<sup>76</sup> Hiện nay 43 thủ tục hành chính liên quan đến tôn giáo giải quyết ở cấp trung ương được thực hiện trên môi trường mạng (dịch vụ công trực tuyến); trong giai đoạn 2020-2022, đã có 256 lượt thủ tục trực tuyến được giải quyết. Ở cấp địa phương, các thủ tục hành chính về tôn giáo được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông, niêm yết công khai các thủ tục và thời hạn trả lời.

<sup>77</sup> Từ khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đến nay, đã có thêm 01 tổ chức được công nhận tổ chức tôn giáo là Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam, 03 tổ chức được đăng ký hoạt động tôn giáo là Hội thánh Phúc âm toàn vẹn Việt Nam, Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam; Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê su Ki tô Việt Nam.

<sup>78</sup> Hiện đã có 17 đầu sách tôn giáo với số lượng 4.418 bản được đưa vào sử dụng tại thư viện của 54 trại giam.

<sup>79</sup> Về một số thông tin liên quan đến các khía cạnh khác trong bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, xin xem thêm Báo cáo giữa kỳ tự nguyện.

### ***Quyền tự do lập hội***<sup>80</sup>

57. Quyền tự do lập hội là một trong các quyền cơ bản của công dân Việt Nam đã được xác lập từ ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập và được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013. Hiện nay, Việt Nam đang tiếp tục xây dựng dự án Luật về Hội nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên theo các nguyên tắc cơ bản như dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; không vì mục đích lợi nhuận; tuân thủ hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội.

58. Trong khi dự án Luật về Hội tiếp tục được nghiên cứu, Bộ Nội vụ đang tiến hành xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội theo quy định của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội; đồng thời đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

59. Tính đến tháng 12/2022, Việt Nam có 71.669 hội, trong đó có 587 hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh (gồm 13 hội mới thành lập năm 2022) và 71.082 hội hoạt động phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các hồ sơ đề nghị thành lập hội đảm bảo quy định của pháp luật đều được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo quy định. Đến nay chưa có trường hợp nào bị từ chối thành lập.

60. Với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Nghị định 58/2022/NĐ-CP<sup>81</sup> đã quy định rõ ràng, rút ngắn thời hạn xử lý thủ tục cấp, gia hạn các giấy đăng ký hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài và tăng cường minh bạch tài chính.

61. Quốc hội đã ban hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 nhằm thể chế hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”. Luật quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

### ***Về phòng, chống tra tấn***

62. Việt Nam đã xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Công ước Chống tra tấn (CAT) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>82</sup>.

<sup>80</sup> Các khuyến nghị 203, 197, 200, 186, 215: đã thực hiện một phần. Các khuyến nghị 207, 214, 179, 198: đã thực hiện. Quyền lập hội đã được quy định trong Hiến pháp 2013, Bộ luật hình sự 2015 cũng có quy định hình sự hóa tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội. Các cơ quan chức năng đang nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về Hội.

<sup>81</sup> Nghị định 58/2022/NĐ-CP thay thế Nghị định 12/2012/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

<sup>82</sup> Khuyến nghị 32: đã thực hiện



Trong giai đoạn 2019-2022, 11 Nghị định, 64 Thông tư và 04 Thông tư liên tịch đã được ban hành liên quan đến nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Công ước CAT.<sup>83</sup> Việt Nam cũng tổ chức thực hiện có hiệu quả và tăng cường ký kết các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm, chuyển giao người bị kết án phạt tù.

63. Việt Nam đã triển khai Đề án tuyên truyền, phổ biến về nội dung Công ước CAT và tổ chức tập huấn cho hơn 500 học viên là lãnh đạo, cán bộ công tác tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ<sup>84</sup>; cũng như thực hiện Kế hoạch khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất và việc thực thi các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người tại một số trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ và cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng. Viện kiểm sát nhân dân các cấp tăng cường kiểm sát nhằm bảo đảm quyền con người và quyền công dân được tôn trọng, thực hiện đúng pháp luật tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam. Bộ Công an đã xây dựng và đưa vào sử dụng 39 mô hình Phòng Điều tra thân thiện tại 35 địa phương phục vụ công tác điều tra, giải quyết các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi.

64. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao có chức năng điều tra các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp và tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp; trong đó có các tội phạm về bức cung, nhục hình. Từ năm 2019 đến nay, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã khởi tố, thụ lý điều tra tổng số 08 vụ/17 bị can về tội dùng nhục hình. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý 06 vụ án hình sự đối với 15 bị cáo về tội dùng nhục hình theo quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015, trong đó đã xét xử 05 vụ án hình sự đối với 12 bị cáo. Các vụ việc được phát hiện, xử lý kịp thời, đúng pháp luật.<sup>85</sup>

#### ***Về việc thành lập tổ chức của người lao động tại cơ sở***<sup>86</sup>

65. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Kế hoạch nghiên cứu, đề xuất gia nhập Công ước số 87<sup>87</sup> với 07 nhóm công việc cụ thể sẽ được thực hiện để đề xuất gia nhập Công ước. Mặc dù chưa gia nhập nhưng nhiều nội dung quan trọng của Công ước số 87 đã được nội luật hóa trong Bộ luật Lao động năm 2019, cụ thể là bổ sung mới quy định người lao động có quyền thành lập tổ chức đại diện của mình trong quan hệ lao động nằm ngoài hệ thống Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

66. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã có thông tư 10/2020/TT-BLĐTBXH (tháng 11/2020) hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động, trong đó có nội dung về Hội đồng Thương lượng tập thể.

<sup>83</sup> Khuyến nghị 155: đã thực hiện.

<sup>84</sup> Khuyến nghị 18: đã thực hiện.

<sup>85</sup> Khuyến nghị 147: đã thực hiện một phần. Khuyến nghị 148, 157: đã thực hiện.

<sup>86</sup> Khuyến nghị 236: đã thực hiện.

<sup>87</sup> Quyết định số 250/QĐ-LĐTBXH ngày 25/03/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

## ***Về phòng chống và giảm tình trạng không quốc tịch<sup>88</sup>***

67. Việt Nam đã tăng cường rà soát, thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm quyền có quốc tịch, đẩy mạnh hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch cho người di cư tự do, người không quốc tịch, người không có giấy tờ tùy thân. Từ năm 2019, Bộ Tư pháp đã trình Chủ tịch nước xem xét cho nhập quốc tịch Việt Nam với hơn 1.500 trường hợp. Đến nay, tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã có Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch, thực hiện liên thông thủ tục hành chính (như đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi). Cùng với đó, Việt Nam đã có các biện pháp nhằm hạn chế tình trạng không quốc tịch của trẻ em, bao gồm trẻ em nhập cư theo diện hôn nhân hồi hương và thúc đẩy, bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ cơ bản của các trẻ em này. Tháng 11/2023, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Căn cước, trong đó có quy định về cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP quy định các biện pháp thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 cũng đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 20/3/2023 với mục tiêu bảo đảm tốt hơn nữa quyền có quốc tịch cho người dân<sup>89</sup>.

## **B. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa**

### ***Phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội<sup>90</sup> và xóa đói giảm nghèo***

68. Việt Nam tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.<sup>91</sup>

69. Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025<sup>92</sup> với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Tổng nguồn vốn được huy động để

<sup>88</sup> Khuyến nghị 289: đã thực hiện.

<sup>89</sup> Liên quan đến vấn đề này, Bộ Tư pháp cũng đã có Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về hộ tịch và Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã có Quyết định số 514/QĐ-BTP ngày 01/4/2021 ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc của Bộ Tư pháp trong giai đoạn 2020-2023.

<sup>90</sup> Các khuyến nghị số 237, 243, 248, 246, 139: đã thực hiện.

<sup>91</sup> Khuyến nghị 106, 111, 129, 123, 125, 127, 131: đã thực hiện.

<sup>92</sup> Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội.

thực hiện Chương trình này từ ngân sách nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tối thiểu là 75.000 tỉ đồng (tương đương hơn 3 tỉ USD).<sup>93</sup>

70. Chính phủ ban hành nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ vượt qua khó khăn như: cắt giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2021 tới năm 2025 (miễn khoảng 7.500 tỉ đồng/năm, tương đương khoảng 300 triệu USD); giãn, hoãn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất và các chính sách nới lỏng về tín dụng của các ngân hàng..., tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo.

71. Việt Nam tiếp tục chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách đối với người có công, quan tâm chăm lo, trợ giúp các nhóm dễ bị tổn thương, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1-1,5%/năm; thu nhập bình quân hộ nghèo năm 2020 tăng 2,3 lần so với năm 2015, đời sống của hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội từng bước được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng tích cực, năm 2023 đạt hơn 100 triệu đồng (tương đương hơn 4.000 USD), tăng 25% so với năm 2019. Các đối tượng chính sách như người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế-xã hội khó khăn, trẻ em dưới 6 tuổi, người trên 80 tuổi... được ngân sách nhà nước hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

72. Đến nay, cả nước có hơn 1 triệu người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng (bao gồm cả nạn nhân bom, mìn, chất độc màu da cam/dioxin) được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Hiện nay, 100% xã, phường, thị trấn trong cả nước đã hoàn thành việc xác định, phân loại, xếp hạng và cấp thẻ cho người khuyết tật.

73. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội được hình thành và phát triển trên phạm vi cả nước với 544 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 292 cơ sở công lập và 252 cơ sở ngoài công lập, 73 cơ sở chăm sóc người khuyết tật (bao gồm nạn nhân bom, mìn, chất độc màu da cam/dioxin) và 45 trung tâm công tác xã hội chuyên biệt. Mạng lưới này cung cấp các dịch vụ, phục hồi chức năng, hướng nghiệp dạy nghề và công tác xã hội đối với người khuyết tật.

74. Việt Nam đã ban hành các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch COVID-19 như việc ban hành các gói hỗ trợ 62.000 tỉ đồng (năm 2020, tương đương khoảng 2,75 tỉ USD) và 26.000 tỉ đồng (năm 2021, tương đương khoảng 1,15 tỉ USD) dành cho người khó khăn vì dịch COVID-19 cùng nhiều gói hỗ trợ cho các đối tượng cụ thể khác. Các tổ chức, cá nhân trong xã hội cùng chung tay hỗ trợ người dân vượt qua khó khăn.

---

<sup>93</sup> Khuyến nghị 110, 114: đã thực hiện.

75. Việt Nam có hơn 2,5 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; 1,2 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; hơn 1,87 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; khoảng 10.000 người cao tuổi đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 100% người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng được miễn giảm giá vé. Cơ sở hạ tầng văn hóa, y tế, giao thông công cộng, trung tâm thương mại từng bước bảo đảm các điều kiện tiếp cận cho người cao tuổi.<sup>94</sup>

76. Với những nỗ lực trên, đến hết năm 2022, tỉ lệ hộ nghèo đa chiều là 4,3% (giảm 0,06 điểm phần trăm so với 2021), trong đó, tỉ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số là 21,02% (giảm 4,89 điểm phần trăm so với 2021), đạt chỉ tiêu do Quốc hội và Chính phủ giao.

### ***Quyền sức khỏe***<sup>95</sup>

77. Trong thời gian qua, Việt Nam tiếp tục thực hiện các nỗ lực để cải thiện sức khỏe người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền con người. Tình trạng sức khỏe người dân Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập. Tuổi thọ trung bình đến năm 2022 ước đạt khoảng 73,6 tuổi, tăng so với 2015 (73,3 tuổi) và cao hơn trung bình thế giới (73 tuổi). Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2022, tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống giảm từ 14,2 xuống còn 12,1; tỉ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống giảm từ 21,4 xuống còn 18,9; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 23,2% xuống còn 19,2%. Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi được duy trì trên 90%.

78. Mạng lưới y tế dự phòng được tổ chức rộng khắp trên toàn quốc gắn chặt với y tế cơ sở, năng lực được nâng cao. 97,3% trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 92,4% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc. Năng lực, chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh được nâng lên. Nhiều dịch vụ y tế kỹ thuật cao, tiên tiến ngang tầm các nước tiên tiến được áp dụng.

79. Các hoạt động phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế, truyền thông được tăng cường nhằm tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Việt Nam đang thực hiện chiến lược tài chính y tế theo định hướng công bằng, tăng tỉ lệ tài chính công cho y tế dựa trên bảo hiểm y tế toàn dân. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 81,7% năm 2016 lên 92% vào năm 2022.

80. Việt Nam là một trong những nước triển khai tiêm vắc-xin phòng COVID-19 quy mô lớn và có tỉ lệ phủ vắc-xin cao trên thế giới. Tổ chức Y tế Thế giới ghi nhận, đánh giá Việt Nam có chiến lược sử dụng vắc-xin phù hợp, hiệu quả với cam kết thực hiện của toàn bộ hệ thống chính trị và người dân, là quốc gia đi

<sup>94</sup> Khuyến nghị 201, 249, 240, 250: đã thực hiện.

<sup>95</sup> Khuyến nghị 245, 239, 244, 247: đã thực hiện.

sau nhưng về trước trong tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19. Với chiến lược vắc-xin phù hợp, đúng đắn, hiệu quả, Việt Nam đã kiểm soát hiệu quả đại dịch COVID-19, có tỉ lệ số ca chuyển nặng, nhập viện, tử vong ở mức thấp hơn so với khu vực và thế giới, và từ giữa tháng 3/2022 đã mở cửa toàn bộ nền kinh tế với tinh thần phục hồi nhanh và phát triển bền vững.

81. Chính phủ đã thành lập Quỹ vắc-xin phòng COVID-19<sup>96</sup>, đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc chiến với đại dịch. Quỹ được thành lập với mục tiêu huy động tổng hợp nguồn lực đóng góp xã hội để chia sẻ với ngân sách nhà nước trong các hoạt động mua, nhập khẩu, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin phòng COVID-19 cho người dân trên nguyên tắc đảm bảo sự tự nguyện đóng góp, hoạt động công khai, minh bạch.

82. Tính đến hết ngày 31/12/2022, Việt Nam đã tiêm được gần 266 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, trong đó tỉ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 cho người từ 12 tuổi trở lên đạt xấp xỉ 100%; tỉ lệ tiêm mũi 3, mũi 4 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt tương ứng 80,2% và 86,9%; tỉ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi là 68,6%; tỉ lệ tiêm mũi 1, mũi 2 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt tương ứng 92,4% và 73,8%.

83. Việt Nam cũng tích cực triển khai Kế hoạch hành động quốc gia tiến tới loại trừ lây truyền HIV, giang mai và viêm gan B từ mẹ sang con giai đoạn 2018 – 2030 và đã phê duyệt Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030, trong đó có các nội dung loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV.<sup>97</sup>

### ***Quyền nhà ở***<sup>98</sup>

84. Việt Nam đã có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội như “Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045” với các yêu cầu, định hướng mới về nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân đáp ứng nhu cầu với giá cả phù hợp với khả năng chi trả của hộ gia đình có thu nhập trung bình, thu nhập thấp. Việt Nam cũng đã có nhiều biện pháp hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội, trong đó có hỗ trợ đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở và đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua.<sup>99</sup>

### ***Quyền nước sạch và vệ sinh***<sup>100</sup>

85. Nước sạch và vệ sinh môi trường luôn được quan tâm và dành ưu tiên. Việt Nam đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 với các nội dung về bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất, quản lý chất ô nhiễm, kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người.

<sup>96</sup> Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 26/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>97</sup> Khuyến nghị 96: đã thực hiện.

<sup>98</sup> Khuyến nghị 242: đã thực hiện.

<sup>99</sup> Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

<sup>100</sup> Khuyến nghị 124, 238: đã thực hiện.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí<sup>101</sup>. Việt Nam đã có quy hoạch tài nguyên nước 2021-2030, tầm nhìn 2050 với các mục tiêu, nguyên tắc như điều hòa, phân phối tài nguyên công bằng, hợp lý đảm bảo phát triển kinh tế, an sinh xã hội; nâng tỉ lệ nước sạch sinh hoạt cho cư dân đô thị 95-100% và 65% cư dân nông thôn vào 2030; khắc phục tình trạng hạn hán, thiếu nước mùa khô, nhất là tại Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và các vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

86. Năm 2022, tỉ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh tại Việt Nam đạt từ 98,3%, tăng 0,9 điểm phần trăm so với năm 2018,<sup>102</sup> đạt mục tiêu Lộ trình thực hiện SDG Việt Nam đến năm 2030 đề ra. Các chính sách, dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường tại vùng nông thôn đã góp phần tích cực trong công tác xóa đói, giảm nghèo tại các địa phương. Công tác quản lý môi trường khu công nghiệp đã có những bước tiến với 263/290 khu công nghiệp đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung (tăng 13 khu công nghiệp so với năm 2019), đạt tỉ lệ 90,69%.

### ***Quyền văn hóa***

87. Tại Việt Nam, quyền hưởng thụ, tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa của người dân đã được quy định tại Hiến pháp 2013. Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng một hành lang pháp lý rộng mở, thuận lợi cho công tác bảo tồn di sản văn hóa và tự do hoạt động văn hóa; bảo vệ quyền tác giả, khuyến khích sự tự do trong sáng tạo nghệ thuật của tổ chức, cá nhân, đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, như Luật Di sản văn hóa 2009, Luật Xuất bản 2012, Luật Quảng cáo 2013, Luật Thư viện 2019, Luật Điện ảnh (sửa đổi) 2022, Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi) 2022,...

88. “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”<sup>103</sup> do Thủ tướng Chính phủ ban hành đã xác định văn hóa được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; đề ra các mục tiêu lớn về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện, phù hợp với xu thế thời đại, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong đời sống xã hội, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, chú trọng phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

89. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, trưng bày triển lãm, tuyên truyền cổ động được tổ chức sôi nổi, rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở. Nhiều hoạt động, triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh lớn quy mô quốc gia, quốc tế, các hoạt động, chương trình giao lưu quốc tế có sức lan tỏa trong nước và nước

<sup>101</sup> Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>102</sup> Theo Khảo sát mức sống cư dân năm 2022 do Tổng cục Thống kê công bố tháng 5/2023.

<sup>103</sup> Ban hành theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

ngoài, thu hút được đông đảo nghệ sĩ và khán giả tham gia, từ đó góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân.

90. Việt Nam tích cực tham gia và thực thi các Công ước của UNESCO nhằm bảo vệ quyền của chủ thể văn hóa, người thực hành văn hóa và sáng tạo, trong đó có Công ước 2003 về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và Công ước 2005 về Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Hiện nay, trên cả nước có trên 40.000 di tích được kiểm kê, 10.000 di tích cấp tỉnh/thành phố, 3.599 di tích quốc gia, 123 di tích quốc gia đặc biệt, 09 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và 15 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO công nhận. Trong giai đoạn 2019-2023, một số di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại và Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.<sup>104</sup> Việt Nam cũng đã gia nhập Mạng lưới Thành phố sáng tạo UNESCO và đã có 03 thành phố được công nhận danh hiệu Thành phố sáng tạo UNESCO là Hà Nội, Đà Lạt và Hội An.<sup>105</sup>

### ***Quyền giáo dục***<sup>106</sup>

91. Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện để người dân được học liên tục mọi nơi, học suốt đời theo nhiều hình thức khác nhau. Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”<sup>107</sup>, Đề án “Xóa mù chữ đến năm 2020” và hiện đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ<sup>108</sup>. Trong giai đoạn 2012-2020 đã xóa mù chữ cho 295.308 người trong độ tuổi 15-60, nâng tỉ lệ biết chữ độ tuổi từ 15-60 là 97,85% và tỉ lệ biết chữ độ tuổi từ 15-35 là 99,3%. Nhà nước cũng ban hành nhiều chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó tập trung hỗ trợ học sinh vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tất cả các tỉnh, thành phố đều đạt phổ cập trung học cơ sở và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

92. Trong bối cảnh COVID-19, các địa phương đã chủ động, sáng tạo trong kết hợp dạy học trực tiếp, trực tuyến và qua truyền hình; tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh cao đẳng, đại học. Tháng 9/2021, Việt Nam triển khai Chương trình “Sóng và máy tính cho em” để hỗ trợ học sinh, sinh viên khó khăn trên cả nước học tập trực tuyến trong đại dịch COVID-19; 92.629 máy

<sup>104</sup> Như Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam (12/2019), Nghệ thuật Xòe Thái (12/2021), Nghệ thuật làm gốm của người Chăm (11/2022).

<sup>105</sup> Hà Nội được UNESCO công nhận Thành phố sáng tạo năm 2019. Đà Lạt và Hội An nằm trong Đề án phát triển hệ thống các thành phố sáng tạo Việt Nam thuộc Mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2023; và được UNESCO công nhận Thành phố sáng tạo năm 2023.

<sup>106</sup> Khuyến nghị 252, 251, 254, 255, 256: đã thực hiện.

<sup>107</sup> Quyết định số 1373/QĐ-Ttg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>108</sup> Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

tính bằng được tài trợ từ các doanh nghiệp viễn thông đã được giao đến học sinh ở 24 tỉnh, thành phố sử dụng.

### **3. Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương và người dân ở các khu vực ít lợi thế<sup>109</sup>**

93. Việt Nam tăng cường và đẩy mạnh triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình, Chiến lược cấp quốc gia, trong đó lồng ghép các nội dung nhằm ưu tiên giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương và nhu cầu của phụ nữ, trẻ em và các nhóm dễ bị tổn thương; tích cực nghiên cứu việc cập nhật, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các vấn đề này.

94. Công tác trợ giúp pháp lý cho người dân, trong đó có những nhóm dễ bị tổn thương cũng được tăng cường. Từ năm 2019 đến nay, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã hoàn thành hơn 61.000 vụ việc cho hơn 61.000 lượt người, trong đó có 18.000 người dân tộc thiểu số, 10.000 người nghèo, 600 người thuộc hộ nghèo, 21.000 phụ nữ, hơn 6.000 trẻ em, hơn 4.000 người khuyết tật, 3.000 người cao tuổi và nhiều nạn nhân mua bán người.<sup>110</sup>

#### ***Việc làm thỏa đáng và bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử trong lao động<sup>111</sup>***

95. Bộ luật lao động 2019 cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện, trong đó có Nghị định 145/2020/NĐ-CP<sup>112</sup>, đã bổ sung, hoàn thiện các quy định nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử trong lao động như quy định về lao động nữ, bảo đảm bình đẳng giới, phòng chống quấy rối tình dục, tuổi nghỉ hưu, lao động là người khuyết tật... (phù hợp với quy định của Công ước CEDAW và các Công ước 100, 111 của ILO).

96. Tháng 3/2023, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cùng với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và ILO đã ký Khung chương trình quốc gia về việc làm thỏa đáng với mục tiêu thúc đẩy cơ hội việc làm bền vững và năng suất cho mọi phụ nữ và nam giới trong điều kiện làm việc tự do, bình đẳng, an toàn và tôn trọng nhân phẩm, phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

#### ***Quyền của người khuyết tật***

97. Việt Nam có khoảng 7 triệu người khuyết tật, chiếm 7,06% dân số từ 02 tuổi trở lên, trong đó có 58% là nữ, 28,3% là trẻ em; hơn 1 triệu người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

98. Việt Nam từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách về người khuyết tật, bảo đảm đầy đủ quyền con người, quyền công dân của người

<sup>109</sup> Khuyến nghị 100, 103, 107, 121, 57, 95, 224, 286, 283, 287, 232, 269, 275: Đã thực hiện.

<sup>110</sup> Khuyến nghị 153, 161: Đã thực hiện.

<sup>111</sup> Khuyến nghị 108, 233, 235: Đã thực hiện.

<sup>112</sup> Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.



khuyết tật trong mọi lĩnh vực, được quy định cụ thể tại Luật người khuyết tật và các văn bản luật liên quan<sup>113</sup>, phù hợp với Công ước về Quyền của người khuyết tật (CRPD) mà Việt Nam là thành viên. Hiện Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam đang trong quá trình xây dựng Luật Người khuyết tật sửa đổi, bổ sung.<sup>114</sup> Nhiều chính sách mới đã được ban hành để kịp thời đáp ứng nhu cầu, lợi ích và bảo đảm quyền của người khuyết tật. 38/63 tỉnh, thành phố đã thành lập Ban công tác người khuyết tật cấp tỉnh và 30 tỉnh, thành phố thành lập tới cấp huyện<sup>115</sup> đã phát huy tốt vai trò giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch liên quan đến người khuyết tật.

99. Người khuyết tật được trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ học nghề, việc làm. Các cơ sở dạy nghề cho người khuyết tật được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ tài chính và ưu đãi. Hiện cả nước có 1.130 cơ sở dạy nghề có tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật, trong đó có 225 cơ sở dạy nghề chuyên biệt. Hàng năm có từ 17.000 - 20.000 người khuyết tật, phụ nữ khuyết tật được đào tạo nghề. Các trung tâm dịch vụ việc làm bình quân mỗi năm tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho khoảng 20.000 lượt người khuyết tật, phụ nữ khuyết tật với tỉ lệ thành công đạt trên 50%.

100. Người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng hoặc được chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội tùy vào mức độ khuyết tật và tình trạng thực tế của họ. Nhà nước đã chi khoảng 15.000 tỉ đồng (618 triệu USD) để hỗ trợ, giải quyết trợ cấp xã hội hàng tháng cho khoảng 1,1 triệu người khuyết tật; hỗ trợ 20.000 người khuyết tật tiếp cận để học nghề và việc làm; hỗ trợ 1,2 triệu học sinh khuyết tật đến trường.

101. Tính đến cuối năm 2022, 85% người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng. Đối tượng người khuyết tật, bao gồm cả trẻ em khuyết tật và tâm thần chiếm 46,5% số người được cung cấp dịch vụ tại 425 cơ sở trợ giúp xã hội<sup>116</sup>. Số người khuyết tật được lập hồ sơ sức khỏe là 3 triệu người, trong đó có hồ sơ điện tử là 720.000 người, 11.036 người khuyết tật được cung cấp dụng cụ trợ giúp miễn phí. Tỉ lệ người khuyết tật được tiếp cận bảo hiểm y tế lên tới 95%. Việt Nam cũng đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật, như hợp tác với WHO để phát triển mô hình lồng ghép sức khỏe tâm thần vào sức khỏe nói chung tập trung vào tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu.<sup>117</sup>

102. Việt Nam thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé cho người khuyết

<sup>113</sup> Như Luật Việc làm, Bộ Luật Lao động, Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Giáo dục, Luật Khám chữa bệnh, Luật Giao thông đường bộ, Luật Công nghệ thông tin, Luật Thể dục thể thao, Luật Xây dựng...

<sup>114</sup> Khuyến nghị 10: đã thực hiện.

<sup>115</sup> Báo cáo kết quả công tác về người khuyết tật năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật tại Việt Nam.

<sup>116</sup> Báo cáo 185/BC-LĐTĐ ngày 7/12/2022 đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững năm 2022.

<sup>117</sup> Khuyến nghị 139, 284: đã thực hiện.

tật khi tham gia giao thông công cộng. Năm 2022 có 121.624 lượt người khuyết tật được miễn giảm giá vé giao thông đường bộ<sup>118</sup>. Đường sắt quốc gia đã có 19/33 ga đã cải tạo lối đi, bố trí cửa vé ưu tiên phục vụ người khuyết tật và nhân viên hỗ trợ người khuyết tật; 22/22 cảng hàng không đều bố trí hỗ trợ cho hành khách khuyết tật từ khu vực công cộng đến tàu bay và 13 cảng hàng không có xe nâng hành khách sử dụng xe lăn.<sup>119</sup> Nhiều công trình xây mới, cải tạo đã đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận, trong đó 80% các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ, trụ sở cơ quan đảm bảo tiêu chuẩn tiếp cận của người khuyết tật và 85% các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tiếp cận và sử dụng của người khuyết tật.

103. Việt Nam đảm bảo triển khai các chương trình giáo dục hòa nhập ở tất cả các cấp mầm non, phổ thông trong cả nước đối với trẻ em khuyết tật; ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục học sinh khuyết tật; phát triển các mô hình chăm sóc trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng. Số học sinh khuyết tật được đi học giai đoạn 2012 - 2020 tăng gấp khoảng 10 lần so với giai đoạn 2002-2010, chất lượng học tập của trẻ khuyết tật được nâng lên, tỉ lệ lưu ban, bỏ học ở trẻ em khuyết tật giảm đáng kể. Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của trẻ khuyết tật khoảng 88,7%, trung học phổ thông là 33,6%.<sup>120</sup>

#### ***Bảo vệ trẻ em***<sup>121</sup>

104. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh; xây dựng môi trường sống an toàn để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Cả nước có 154.000 trẻ em được hưởng trợ cấp xã hội. Trong mạng lưới 425 cơ sở trợ giúp xã hội được phát triển trên cả nước, có 149 cơ sở chăm sóc trẻ em.

105. Việt Nam tiếp tục tăng cường nỗ lực phòng, chống tai nạn thương tích ở trẻ em và phòng, chống bạo lực học đường; trong đó có thông qua Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích ở trẻ em giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 7/2021 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình hành động các cấp về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, và phòng, chống bạo lực học đường. Các dịch vụ trợ giúp xã hội được duy trì để kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.<sup>122</sup>

106. Việt Nam là một trong 15 quốc gia đi đầu trong Liên minh toàn cầu 8.7 nhằm xóa bỏ lao động trẻ em phù hợp với SDG 8.7. Việt Nam tiếp tục thực hiện nghiên cứu, tổng kết đánh giá việc thực hiện pháp luật về phòng, chống

<sup>118</sup> Báo cáo kết quả công tác về người khuyết tật năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật tại Việt Nam.

<sup>119</sup> Khuyến nghị 285: đã thực hiện.

<sup>120</sup> Khuyến nghị 286: đã thực hiện

<sup>121</sup> Các khuyến nghị 227, 270, 271, 273, 274, 276: đã thực hiện.

<sup>122</sup> Ví dụ, riêng trong năm 2022, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (111) đã tiếp nhận, xử lý 24.698 cuộc gọi đến.

mại dâm nhằm loại bỏ tình trạng mại dâm và lao động trẻ em, cũng như việc đảm bảo trẻ em gái mại dâm được đối xử là nạn nhân.<sup>123</sup> Năm 2022, các cơ quan Việt Nam ban hành Thông tư liên tịch<sup>124</sup> quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi nhằm bảo đảm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh kẻ phạm tội, bảo vệ trẻ em và người dưới 18 tuổi.

107. Công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra bảo vệ quyền trẻ em được tăng cường. Hiện có 4 cơ quan giám sát quyền trẻ em là Chính phủ (có Ủy ban quốc gia về trẻ em do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch); Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Bảo vệ quyền trẻ em. Công tác nâng cao năng lực bảo vệ quyền trẻ em cũng được đẩy mạnh, riêng trong năm 2022 đã có 1.300 lớp tập huấn cho 127.000 lượt cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em; hàng năm có 10.000 nhân viên công tác xã hội được bồi dưỡng về vấn đề này.

### ***Phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân mua bán người***<sup>125</sup>

108. Việt Nam đã tiếp tục các nỗ lực phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030<sup>126</sup>; hưởng ứng ngày 30/7 hàng năm là “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người”.

109. Hàng năm, Bộ Công an mở đợt cao điểm đấu tranh với tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn quốc và trên toàn tuyến biên giới<sup>127</sup>, triệt phá nhiều đường dây, ổ nhóm tội phạm mua bán người và kịp thời truy tố, đưa ra xét xử nghiêm minh các đối tượng trước pháp luật. Giai đoạn 2018-2022, cả nước đã phát hiện 440 vụ mua bán người với 876 đối tượng và 1.240 nạn nhân. Trong năm 2022, các lực lượng chức năng đã phát hiện, điều tra 90 vụ/247 đối tượng phạm tội mua bán người liên quan đến 222 nạn nhân bị mua bán. Công tác án lệ cũng được phát triển, áp dụng.<sup>128</sup>

<sup>123</sup> Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tăng cường triển khai Quyết định số 1629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 05/9/2022 về Kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 29/QĐ-LĐTBXH ngày 16/01/2023 về việc ban hành Bộ chỉ số giám sát, quy trình kiểm tra và đánh giá thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025.

<sup>124</sup> Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2022/TTLT-VKSND-TANDTC-BCA-BQP-BLĐTBXH ngày 18/02/2022.

<sup>125</sup> Các khuyến nghị 218, 219, 220, 221, 222, 223, 226, 228: đã thực hiện.

<sup>126</sup> Ban hành tại Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 9/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>127</sup> Việt Nam phối hợp với các nước láng giềng chung biên giới (Trung Quốc, Lào, Campuchia...) đấu tranh với tội phạm mua bán người xuyên biên giới, bảo vệ nạn nhân bị mua bán, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái ở khu vực biên giới.

<sup>128</sup> Năm 2023, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành 02 án lệ về Mua bán người (Án lệ số 65/2023/AL và 66/2023/AL).

110. Các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương đã tích cực triển khai Đề án “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán”; duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em; tổ chức xác minh, tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu và thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân bị mua bán..., trong đó nổi bật là vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam<sup>129</sup>.

111. Việt Nam tham gia thực hiện đầy đủ và có trách nhiệm các khuôn khổ hợp tác đa phương về phòng, chống tội phạm mua bán người như Công ước ASEAN và Kế hoạch hành động ASEAN về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; các cơ chế phòng chống mua bán người khu vực Tiểu vùng sông Mê Công; Tiến trình Bali về phòng chống đưa người di cư trái phép, mua bán người và tội phạm xuyên quốc gia; Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tiếp tục triển khai có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác song phương về phòng chống mua bán người với các nước.

### ***Bình đẳng giới***<sup>130</sup>

112. Trong lĩnh vực bình đẳng giới, hệ thống văn bản pháp luật, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Quốc hội đẩy mạnh việc thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm và trong các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội thông qua, bảo đảm tính khả thi, làm rõ trách nhiệm và nguồn lực thực hiện. Đặc biệt, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng chống bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân, đảm bảo quyền con người và thúc đẩy bình đẳng giới. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đã được ban hành và triển khai, trong đó tập trung vào mục tiêu bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới năm 2022 đều có những tiến bộ so với các năm trước, đặc biệt trong các lĩnh vực chính trị; kinh tế, lao động, việc làm, phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Việt Nam cũng đang tiến hành xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về phụ nữ, hòa bình và an ninh lần đầu tiên. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu 2022 do Diễn đàn kinh tế thế giới công bố tháng 7/2023<sup>131</sup>, chỉ số bình đẳng giới của Việt Nam xếp hạng 72/146 quốc gia, tăng 11 bậc so với 2022 và 15 bậc so với 2021.

<sup>129</sup> Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã tổ chức tiếp nhận, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ dạy nghề cho hàng trăm phụ nữ tại mô hình “Ngôi nhà bình yên” và hàng nghìn nạn nhân khác đã được chính quyền, đoàn thể ở địa phương hỗ trợ dịch vụ liên quan như trợ cấp khó khăn, học nghề, tạo việc làm, khám chữa bệnh... Tháng 12/2023, Trung tâm trợ giúp xã hội – Ngôi nhà bình yên đã chính thức được thành lập, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ toàn diện cho phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của bạo lực.

<sup>130</sup> Khuyến nghị 91, 92, 260, 261, 262, 264, 265, 101, 105, 258, 263, 266, 267, 257, 259, 268: đã thực hiện.

Khuyến nghị 217: đã thực hiện một phần.

<sup>131</sup> Xem thêm Báo cáo tại đây [https://www3.weforum.org/docs/WEF\\_GGGR\\_2023.pdf](https://www3.weforum.org/docs/WEF_GGGR_2023.pdf).

113. Việt Nam cũng tăng cường các biện pháp giải quyết việc lạm dụng kỹ thuật y tế để lựa chọn giới tính thai nhi mà không hạn chế quyền tiếp cận dịch vụ nạo phá thai an toàn cho phụ nữ, trong đó có các quy định mới tại Nghị định 117/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế<sup>132</sup>.

### ***Chống phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới<sup>133</sup>***

114. Tháng 8/2022, Bộ Y tế đã có văn bản khẳng định đồng tính, song tính, chuyển giới không phải là bệnh; yêu cầu các cơ sở y tế không phân biệt đối xử, không ép buộc can thiệp, “điều trị”, chỉ hỗ trợ tâm lý (nếu cần và do người có hiểu biết về bản dạng giới thực hiện), giúp chính sách y tế của Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn y tế và nhân quyền toàn cầu. Hiện nay, Việt Nam đang xem xét dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính theo đề xuất của đại biểu Quốc hội, có sự tham gia góp ý của Bộ Y tế, các cơ quan và các bên liên quan, với nội dung dự kiến về quyền thay đổi bản dạng giới, yêu cầu xác định bản dạng giới khác với giới tính đã định khi sinh và quyền lựa chọn phương pháp can thiệp y tế để phẫu thuật xác định lại giới tính. Dự án luật dự kiến sẽ được Quốc hội xem xét thông qua trong vài năm tới.

### ***Quyền của người dân tộc thiểu số<sup>134</sup>***

115. Chính sách nhất quán của Việt Nam là bảo đảm 54 dân tộc luôn được bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp nhau cùng phát triển; các dân tộc không phân biệt nguồn gốc, lịch sử, quy mô dân số, trình độ phát triển, đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội và được bảo đảm bằng Hiến pháp và pháp luật. Người dân tộc thiểu số được hưởng đầy đủ các quyền con người, quyền công dân, ngoài ra còn được hưởng những quyền ưu tiên theo quy định của pháp luật, đặc biệt trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống<sup>135</sup>, giữ gìn tiếng nói, chữ viết và phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số.

116. Hiện nay có hơn 80 lễ hội truyền thống tiêu biểu<sup>136</sup> của các dân tộc thiểu số được tổ chức phục dựng, bảo tồn và phát triển đúng mục đích, phù hợp với từng dân tộc. Công tác kiểm kê, sưu tầm, ghi danh di tích và di sản văn hóa phi vật thể dân tộc thiểu số được quan tâm. Việt Nam hiện có 02 bảo tàng

<sup>132</sup> Khuyến nghị 94: đã thực hiện.

<sup>133</sup> Khuyến nghị số 109, 97: đã thực hiện. Khuyến nghị 93: đã thực hiện một phần.

<sup>134</sup> Các khuyến nghị số 253, 279, 280, 281, 282, 277: đã thực hiện

<sup>135</sup> Xây dựng, triển khai Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Chương trình hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, Đề án “Bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Tổ chức định kỳ ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch cùng đồng bào các dân tộc thiểu số theo khu vực của toàn quốc giai đoạn 2021-2030”, Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn học dân gian của các dân tộc thiểu số đến năm 2030”.

<sup>136</sup> Trong đó có lễ hội của các dân tộc như: Ê Đê, Mường, Thái, Tày, Bru-Vân Kiều, Cơ Tu, Mông, Nùng, Dao, Bahnar, Chứt, Khmer, Stiêng, Khơ Mú, Lào, Giáy, Lô Lô, Co, Ma, Bô Y, Pà Thên, Ô Đu, Rơ Măm,...

chuyên ngành về dân tộc học và nhiều bảo tàng ở các địa phương<sup>137</sup> có các nội dung trưng bày về dân tộc thiểu số; các bảo tàng được đầu tư kinh phí, xây dựng công trình, sưu tầm, bảo quản hiện vật, cải thiện cơ sở vật chất. Việt Nam cũng tích cực triển khai công tác xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận các di sản văn hóa phi vật thể. Tính đến nay, đã có 253 Di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trên tổng số 498 di sản (chiếm 50%); 05 Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh có chủ thể là dân tộc thiểu số (trên tổng số 15 Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh trên toàn quốc). Có 206 di tích của đồng bào dân tộc thiểu số được xếp hạng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh, được đầu tư, tu bổ tôn tạo; nhiều di tích trở thành các điểm thu hút khách tham quan, du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số.

117. Nhà nước bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam, được quy định tại Luật Di sản văn hóa 2009. Trong đó, bảo tồn tiếng nói, chữ viết cho các dân tộc thiểu số là vấn đề được ưu tiên trong chính sách giáo dục của nhà nước Việt Nam<sup>138</sup>. Việt Nam đã tổ chức dạy và học chính thức 6 tiếng dân tộc thiểu số<sup>139</sup> trong trường phổ thông tại 22 tỉnh, thành phố với quy mô hơn 700 trường, hơn 5.000 lớp học và 174.000 học sinh (tăng 50.000 học sinh so với năm 2015). Bên cạnh đó, 9 tiếng dân tộc thiểu số<sup>140</sup> đang được triển khai dạy thực nghiệm trong trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên tại 16 tỉnh, thành phố. Tiếng dân tộc thiểu số được tăng cường dạy cho cán bộ, công chức công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi<sup>141</sup>.

118. Việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết của đồng bào các dân tộc thiểu số được thực hiện thông qua các hình thức tổ chức ngày hội, giao lưu văn hóa cấp vùng, miền, khu vực, từng dân tộc và các lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; các thư viện địa phương đã có bộ tài liệu phù hợp với đặc điểm dân cư, phong tục tập quán của các dân tộc trên địa bàn; các xuất bản sản phẩm phục vụ trẻ em dân tộc thiểu số được khuyến khích, hỗ trợ đầu tư; tủ sách cho các thư viện công cộng và các tủ sách văn hóa dân tộc ở cơ sở được tăng cường các xuất bản ấn phẩm song ngữ bằng tiếng dân tộc-tiếng phổ thông<sup>142</sup>. Ngoài ra, tiếng dân tộc

<sup>137</sup> 02 bảo tàng chuyên ngành dân tộc học là Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, cùng các bảo tàng ở Hà Giang, Yên Bái, Đắk Lắk, An Giang, bảo tàng Điêu khắc Chăm...

<sup>138</sup> Luật giáo dục năm 2019; Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

<sup>139</sup> Ba Na, Chăm, Ê Đê, Gia Rai, Khmer, Mông.

<sup>140</sup> Gồm tiếng Hoa, Chăm (Chăm Arabic), Thái, Cơ Tu, Tà Ôi, Pa Cô, Vân Kiều, Tày, Nùng, Stiêng.

<sup>141</sup> Từ năm 2016-2020, đã có 140.813 cán bộ, công chức, viên chức tham gia học và được cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số. Năm học 2019-2020, 18 tiếng dân tộc thiểu số được tổ chức dạy tại 17 tỉnh, 66 lớp học được mở, với 3.053 học viên theo học và được cấp chứng chỉ.

<sup>142</sup> Thư viện tỉnh Yên Bái số hóa 100% tài liệu bằng tiếng dân tộc; mô hình thư viện dân sinh ngoài công lập tại các chùa Khmer tổ chức phục vụ tài liệu bằng tiếng dân tộc cho đồng bào Khmer tại các tỉnh/thành phía Nam.

thiểu số được sử dụng để phát sóng trên các kênh phát thanh, truyền hình từ trung ương đến địa phương<sup>143</sup>.

119. Trong bối cảnh ngân sách còn hạn chế, Việt Nam vẫn dành ưu tiên cao cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với nguồn vốn hơn 137 nghìn tỉ đồng (tương đương khoảng 5,6 tỉ USD) cho các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

#### **IV. Những ưu tiên và cam kết trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người ở Việt Nam**

##### ***A. Những khó khăn, thách thức còn tồn tại***

120. Những thành tựu trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người, thực hiện các khuyến nghị UPR chu kỳ III mà Việt Nam đã chấp thuận trong thời gian qua thể hiện cam kết mạnh mẽ, nỗ lực không ngừng của Việt Nam trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức xuất phát từ hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam và các thách thức toàn cầu của thời đại.

121. Do là nước đang phát triển với nguồn lực tương đối hạn hẹp, việc triển khai các chính sách bảo trợ và an sinh xã hội còn khiêm tốn, nhất là với người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương còn chưa đáp ứng nhu cầu. Toàn cầu hóa, nền kinh tế thị trường, sự phát triển vượt bậc và ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ một mặt tạo ra nhiều cơ hội tăng trưởng kinh tế; song cũng làm sâu sắc thêm bất bình đẳng và điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội giữa các khu vực địa lý và các nhóm dân cư, trong đó các nhóm dễ bị tổn thương luôn bị tác động mạnh nhất và ít khả năng thích ứng nhất. Công nghiệp hóa cũng đã có những thành tựu nhưng chưa thực sự bền vững, nhiều ngành công nghiệp chưa thân thiện môi trường và chưa bao trùm.

122. BĐKH, các hình thái thời tiết cực đoan và nhiều vấn đề an ninh cả truyền thống và phi truyền thống toàn cầu nổi lên cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam, đặc biệt là ảnh hưởng lâu dài của đại dịch COVID-19 và khó khăn kinh tế toàn cầu, khu vực và việc quốc gia chưa lấy lại được động lực tăng trưởng như trước kia.

123. Việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hệ thống chính sách về quyền con người phù hợp với hoàn cảnh đất nước và tương thích với các cam kết quốc tế của Việt Nam, cũng như yêu cầu triển khai các biện pháp tăng cường minh bạch, pháp quyền và phòng chống tham nhũng luôn đặt ra nhiều áp lực về tài chính, nhân lực và thời gian.

---

<sup>143</sup> Đài truyền hình Việt Nam (kênh VTV5) sản xuất và phát sóng 28 thứ tiếng dân tộc thiểu số với thời lượng 24/24h/ngày; Đài tiếng nói Việt Nam (hệ phát thanh VOV4) hàng ngày phát 12 chương trình tiếng dân tộc thiểu số; đài phát thanh, truyền hình các địa phương như: Điện Biên, Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên... đều có chương trình phát thanh, truyền hình bằng nhiều thứ tiếng dân tộc thiểu số.

124. Nhận thức của người dân và đội ngũ cán bộ các cấp về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người còn hạn chế và thiếu đồng đều, ảnh hưởng đến kết quả triển khai hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, việc hài hòa các giá trị phổ quát và chuẩn mực quốc tế được thừa nhận chung của quyền con người với văn hóa, phong tục của nhiều địa phương, cộng đồng ở Việt Nam còn gặp nhiều thách thức.

### ***B. Những hướng ưu tiên và cam kết của Việt Nam trong thời gian tới***

125. Phát huy những thành tựu đạt được và nỗ lực vượt qua các thách thức, Việt Nam cam kết tiếp tục thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam và trên thế giới. Trên tinh thần đó, Việt Nam mong muốn đối thoại thực chất và hợp tác hiệu quả với các nước trong chu kỳ UPR IV và tiếp thu, xem xét các khuyến nghị của các nước và sẽ ưu tiên triển khai các khuyến nghị phù hợp với ưu tiên và tình hình, điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong đó các ưu tiên chính là:

126. Tiếp tục ưu tiên xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và tăng cường nguồn lực cho phát triển bền vững, bao trùm, phát huy dân chủ, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người vào pháp luật Việt Nam.

127. Tăng cường các biện pháp, chính sách và nguồn lực nhằm bảo đảm tốt hơn tất cả các quyền cơ bản của con người về kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự, chính trị theo chuẩn mực quốc tế được thừa nhận chung, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công, tăng cường các nỗ lực cải cách hành chính, thực hiện hiệu quả chiến lược chuyển đổi xanh, chuyển đổi số quốc gia, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân, thúc đẩy phát triển báo chí, truyền thông.

128. Thực hiện đầy đủ các SDG, mở rộng hệ thống an sinh xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội, bảo đảm việc thụ hưởng các quyền con người cơ bản của các nhóm dễ bị tổn thương, thu hẹp chênh lệch trình độ phát triển giữa các khu vực địa lý, các nhóm dân cư, giảm nghèo đa chiều, hỗ trợ sinh kế cho người dân. Theo hướng này, việc bảo đảm sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và xây dựng của các đối tác phát triển quốc tế, trong đó có các cơ quan phát triển LHQ, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, nghề nghiệp, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước là một biện pháp quan trọng, nhất là đối với việc tăng cường phát huy kinh nghiệm, tri thức và nguồn lực của các chủ thể này để đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

129. Ưu tiên nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về quyền con người, đặc biệt là các công ước, điều ước, văn kiện quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

130. Tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; lồng ghép khía cạnh giới trong quá trình tham vấn, xây dựng và triển khai chính



sách; phòng chống các hình thức bạo lực và phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái.

131. Tiếp tục thúc đẩy hợp tác với các quốc gia, các cơ chế của LHQ, các tổ chức khu vực về quyền con người trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng luật pháp quốc tế, không can thiệp công việc nội bộ, hướng tới xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật nhằm mang lại lợi ích và thụ hưởng đầy đủ hơn các quyền con người cho người dân trên thực tế.

132. Tích cực phát huy vai trò thành viên HĐNQ nhiệm kỳ 2023 – 2025 để thúc đẩy các vấn đề ưu tiên của các nước đang phát triển, trong đó có nội dung về bình đẳng giới, các nhóm dễ bị tổn thương và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống như BDKH, an ninh lương thực và thúc đẩy nhóm quyền lao động, sức khỏe và y tế.

133. Tăng cường tham gia và có đóng góp thiết thực nhằm thúc đẩy hợp tác trong ASEAN về quyền con người, đặc biệt tại Ủy ban liên chính phủ ASEAN về quyền con người (AICHR) và trong việc triển khai thực hiện Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN./.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM**  
**THEO CƠ CHẾ RÀ SOÁT ĐỊNH KỲ PHỔ QUÁT CHU KỲ IV**  
**về tình hình triển khai các khuyến nghị Việt Nam chấp thuận tại UPR chu kỳ III**  
*(Đến tháng 1/2024)*

<b>Khuyến nghị<sup>144</sup></b>	<b>Quan điểm<sup>145</sup></b>	<b>Tình hình</b>
1	Chấp thuận	Đã thực hiện
3	Chấp thuận	Đã thực hiện
6	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
7	Chấp thuận	Đã thực hiện
8	Chấp thuận	Đã thực hiện
9	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
10	Chấp thuận	Đã thực hiện
11	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
12	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
13	Chấp thuận	Đã thực hiện
16	Chấp thuận	Đã thực hiện
17	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
18	Chấp thuận	Đã thực hiện
19	Chấp thuận	Đã thực hiện
20	Chấp thuận	Đã thực hiện
21	Chấp thuận	Đã thực hiện
22	Chấp thuận	Đã thực hiện
24	Chấp thuận	Đã thực hiện
25	Chấp thuận	Đã thực hiện
26	Chấp thuận	Đã thực hiện
27	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
28	Chấp thuận	Đã thực hiện
30	Chấp thuận	Đã thực hiện
31	Chấp thuận	Đã thực hiện
32	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
33	Chấp thuận	Đã thực hiện
34	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
35	Chấp thuận	Đã thực hiện
36	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
37	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
40	Chấp thuận	Đã thực hiện
41	Chấp thuận	Đã thực hiện
42	Chấp thuận	Đã thực hiện
44	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
45	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần

<sup>144</sup> Các số khuyến nghị được dựa trên đoạn số 38 tại văn kiện A/HRC/41/7 ngày 28/3/2019 của Nhóm làm việc UPR của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc.

<sup>145</sup> Quan điểm của Việt Nam được nêu tại đoạn 15 của văn kiện A/HRC/41/7/Add.1 ngày 26/6/2019 của Nhóm làm việc UPR của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc.

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Quan điểm</b>	<b>Tình hình</b>
47	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
48	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
49	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
50	Chấp thuận	Đã thực hiện
51	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
52	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện một phần
53	Chấp thuận	Đã thực hiện
54	Chấp thuận	Đã thực hiện
56	Chấp thuận	Đã thực hiện
57	Chấp thuận	Đã thực hiện
58	Chấp thuận	Đã thực hiện
59	Chấp thuận	Đã thực hiện
60	Chấp thuận	Đã thực hiện
61	Chấp thuận	Đã thực hiện
62	Chấp thuận	Đã thực hiện
63	Chấp thuận	Đã thực hiện
64	Chấp thuận	Đã thực hiện
65	Chấp thuận	Đã thực hiện
66	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
67	Chấp thuận	Đã thực hiện
69	Chấp thuận	Đã thực hiện
70	Chấp thuận	Đã thực hiện
72	Chấp thuận	Đã thực hiện
74	Chấp thuận	Đã thực hiện
75	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
76	Chấp thuận	Đã thực hiện
77	Chấp thuận	Đã thực hiện
78	Chấp thuận	Đã thực hiện
79	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
81	Chấp thuận	Đã thực hiện
82	Chấp thuận	Đã thực hiện
83	Chấp thuận	Đã thực hiện
84	Chấp thuận	Đã thực hiện
85	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
86	Chấp thuận	Đã thực hiện
87	Chấp thuận	Đã thực hiện
88	Chấp thuận một phần	Cần nhắc thực hiện tại thời điểm phù hợp
89	Chấp thuận	Đã thực hiện
90	Chấp thuận	Đã thực hiện
91	Chấp thuận	Đã thực hiện
92	Chấp thuận	Đã thực hiện

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Quan điểm</b>	<b>Tình hình</b>
93	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
94	Chấp thuận	Đã thực hiện
95	Chấp thuận	Đã thực hiện
96	Chấp thuận	Đã thực hiện
97	Chấp thuận	Đã thực hiện
100	Chấp thuận	Đã thực hiện
101	Chấp thuận	Đã thực hiện
102	Chấp thuận	Đã thực hiện
103	Chấp thuận	Đã thực hiện
104	Chấp thuận	Đã thực hiện
105	Chấp thuận	Đã thực hiện
106	Chấp thuận	Đã thực hiện
107	Chấp thuận	Đã thực hiện
108	Chấp thuận	Đã thực hiện
109	Chấp thuận	Đã thực hiện
110	Chấp thuận	Đã thực hiện
111	Chấp thuận	Đã thực hiện
112	Chấp thuận	Đã thực hiện
113	Chấp thuận	Đã thực hiện
114	Chấp thuận	Đã thực hiện
115	Chấp thuận	Đã thực hiện
116	Chấp thuận	Đã thực hiện
117	Chấp thuận	Đã thực hiện
118	Chấp thuận	Đã thực hiện
119	Chấp thuận	Đã thực hiện
120	Chấp thuận	Đã thực hiện
121	Chấp thuận	Đã thực hiện
122	Chấp thuận	Đã thực hiện
123	Chấp thuận	Đã thực hiện
124	Chấp thuận	Đã thực hiện
125	Chấp thuận	Đã thực hiện
126	Chấp thuận	Đã thực hiện
127	Chấp thuận	Đã thực hiện
128	Chấp thuận	Đã thực hiện
129	Chấp thuận	Đã thực hiện
130	Chấp thuận	Đã thực hiện
131	Chấp thuận	Đã thực hiện
132	Chấp thuận	Đã thực hiện
133	Chấp thuận	Đã thực hiện
135	Chấp thuận	Đã thực hiện
136	Chấp thuận	Đã thực hiện
137	Chấp thuận	Đã thực hiện

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Quan điểm</b>	<b>Tình hình</b>
138	Chấp thuận	Đã thực hiện
139	Chấp thuận	Đã thực hiện
146	Chấp thuận	Đã thực hiện
147	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
148	Chấp thuận	Đã thực hiện
150	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
151	Chấp thuận	Đã thực hiện
152	Chấp thuận	Đã thực hiện
153	Chấp thuận	Đã thực hiện
154	Chấp thuận	Đã thực hiện
155	Chấp thuận	Đã thực hiện
156	Chấp thuận	Đã thực hiện
157	Chấp thuận	Đã thực hiện
158	Chấp thuận	Đã thực hiện
159	Chấp thuận	Đã thực hiện
160	Chấp thuận	Đã thực hiện
161	Chấp thuận	Đã thực hiện
162	Chấp thuận	Đã thực hiện
163	Chấp thuận	Đã thực hiện
164	Chấp thuận	Đã thực hiện
165	Chấp thuận	Đã thực hiện
168	Chấp thuận	Đã thực hiện
169	Chấp thuận	Đã thực hiện
170	Chấp thuận	Đã thực hiện
172	Chấp thuận	Đã thực hiện
173	Chấp thuận	Đã thực hiện
174	Chấp thuận	Cần nhắc thực hiện tại thời điểm phù hợp
176	Chấp thuận	Đã thực hiện
178	Chấp thuận	Đã thực hiện
179	Chấp thuận	Đã thực hiện
181	Chấp thuận	Đã thực hiện
182	Chấp thuận	Đã thực hiện
184	Chấp thuận	Đã thực hiện
186	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
189	Chấp thuận	Đã thực hiện
192	Chấp thuận	Đã thực hiện
193	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
194	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
195	Chấp thuận	Đã thực hiện
197	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
198	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Quan điểm</b>	<b>Tình hình</b>
199	Chấp thuận	Đã thực hiện
200	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
201	Chấp thuận	Đã thực hiện
202	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
203	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
205	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
206	Chấp thuận	Đã thực hiện
207	Chấp thuận	Đã thực hiện
210	Chấp thuận	Đã thực hiện
213	Chấp thuận	Đã thực hiện
214	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện
215	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
217	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
218	Chấp thuận	Đã thực hiện
219	Chấp thuận	Đã thực hiện
220	Chấp thuận	Đã thực hiện
221	Chấp thuận	Đã thực hiện
222	Chấp thuận	Đã thực hiện
223	Chấp thuận	Đã thực hiện
224	Chấp thuận	Đã thực hiện
225	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
226	Chấp thuận	Đã thực hiện
227	Chấp thuận	Đã thực hiện
228	Chấp thuận	Đã thực hiện
232	Chấp thuận	Đã thực hiện
233	Chấp thuận	Đã thực hiện
234	Chấp thuận	Đã thực hiện
235	Chấp thuận	Đã thực hiện
236	Chấp thuận	Đã thực hiện
237	Chấp thuận	Đã thực hiện
238	Chấp thuận	Đã thực hiện
239	Chấp thuận	Đã thực hiện
240	Chấp thuận	Đã thực hiện
241	Chấp thuận	Đã thực hiện
242	Chấp thuận	Đã thực hiện
243	Chấp thuận	Đã thực hiện
244	Chấp thuận	Đã thực hiện
245	Chấp thuận	Đã thực hiện
246	Chấp thuận	Đã thực hiện
247	Chấp thuận	Đã thực hiện
248	Chấp thuận	Đã thực hiện
249	Chấp thuận	Đã thực hiện

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Quan điểm</b>	<b>Tình hình</b>
250	Chấp thuận	Đã thực hiện
251	Chấp thuận	Đã thực hiện
252	Chấp thuận	Đã thực hiện
253	Chấp thuận	Đã thực hiện
254	Chấp thuận	Đã thực hiện
255	Chấp thuận	Đã thực hiện
256	Chấp thuận	Đã thực hiện
257	Chấp thuận	Đã thực hiện
258	Chấp thuận	Đã thực hiện
259	Chấp thuận	Đã thực hiện
260	Chấp thuận	Đã thực hiện
261	Chấp thuận	Đã thực hiện
262	Chấp thuận	Đã thực hiện
263	Chấp thuận	Đã thực hiện
264	Chấp thuận	Đã thực hiện
265	Chấp thuận	Đã thực hiện
266	Chấp thuận	Đã thực hiện
267	Chấp thuận	Đã thực hiện
268	Chấp thuận	Đã thực hiện
269	Chấp thuận	Đã thực hiện
270	Chấp thuận	Đã thực hiện
271	Chấp thuận	Đã thực hiện
272	Chấp thuận	Đã thực hiện một phần
273	Chấp thuận	Đã thực hiện
274	Chấp thuận	Đã thực hiện
275	Chấp thuận	Đã thực hiện
276	Chấp thuận	Đã thực hiện
277	Chấp thuận	Đã thực hiện
279	Chấp thuận	Đã thực hiện
280	Chấp thuận	Đã thực hiện
281	Chấp thuận	Đã thực hiện
282	Chấp thuận	Đã thực hiện
283	Chấp thuận	Đã thực hiện
284	Chấp thuận	Đã thực hiện
285	Chấp thuận	Đã thực hiện
286	Chấp thuận	Đã thực hiện
287	Chấp thuận	Đã thực hiện
288	Chấp thuận	Đã thực hiện
289	Chấp thuận	Đã thực hiện
291	Chấp thuận một phần	Đã thực hiện

## KẾT THÚC